

Số: /BC-UBND

Bắc Giang, ngày tháng 01 năm 2024

## BÁO CÁO

**Tình hình thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2023;  
mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu năm 2024**  
(Số liệu cập nhật đến ngày 31/12/2023)

### Phần thứ nhất

### TÌNH HÌNH KINH TẾ - XÃ HỘI NĂM 2023

Sau đại dịch Covid-19, năm 2023 tỉnh Bắc Giang tiếp tục phải đối mặt với nhiều thách thức nằm ngoài dự báo, đó là sự bùng nổ của giá cả hàng hóa và năng lượng. Cạnh tranh chiến lược giữa các nước lớn ngày càng gay gắt; tình hình chiến sự căng thẳng Nga - Ukraina kéo dài đã kích hoạt lạm phát trên quy mô toàn cầu kể từ cuối năm 2022, gần đây lại xảy ra xung đột tại Dải Gaza; bên cạnh đó, nhiều nền kinh tế lớn vẫn đang duy trì chính sách tiền tệ thắt chặt, lãi suất cao; các thị trường tài chính tiền tệ, bất động sản tiềm ẩn nhiều rủi ro; hoạt động xuất nhập khẩu bị thu hẹp. An ninh năng lượng, an ninh mạng gặp nhiều thách thức; thiên tai, biến đổi khí hậu gây hậu quả nghiêm trọng. Ngoài ra, tình hình thiếu điện cục bộ khu vực miền Bắc cũng đã ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất, kinh doanh và đời sống của Nhân dân.

Với tinh thần nỗ lực phục hồi nhanh, phát triển kinh tế bền vững, quyết tâm hoàn thành các mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội (KTXH) năm 2023, tạo bứt phá cho thực hiện thắng lợi các mục tiêu cả giai đoạn 2021-2025 theo Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XIX, UBND tỉnh đã chủ động bám sát chỉ đạo của Chính phủ, Tỉnh ủy, HĐND tỉnh; chỉ đạo triển khai quyết liệt, bài bản, sáng tạo, có trọng tâm, trọng điểm, bám sát tình hình thực tiễn, tập trung xử lý những vấn đề tồn đọng kéo dài và giải quyết ứng phó kịp thời những vấn đề mới phát sinh; nỗ lực hoàn thành khối lượng công việc, nhiệm vụ ngày càng nhiều và nặng nề hơn.

Nhờ sự vào cuộc quyết liệt, sự lãnh đạo, chỉ đạo sâu sát, kịp thời của Tỉnh ủy; sự chủ động, tích cực, đồng hành, phối hợp chặt chẽ của HĐND tỉnh, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc tỉnh và các tổ chức chính trị - xã hội; sự nỗ lực, quyết liệt và sáng tạo trong chỉ đạo điều hành của UBND tỉnh, các sở, ngành và chính quyền các cấp; sự ủng hộ, tham gia tích cực của Nhân dân, cộng đồng doanh nghiệp (DN); tình hình KTXH năm 2023 tiếp tục đạt được kết quả nổi bật, toàn diện trên các lĩnh vực; tiềm lực, vị thế, uy tín của Tỉnh ngày càng được nâng lên. Có 17/18 chỉ tiêu chủ yếu hoàn thành và hoàn thành vượt mức kế hoạch đề ra; trong

đó có 10 chỉ tiêu đạt kế hoạch và 07 chỉ tiêu vượt kế hoạch; có 01 chỉ tiêu không hoàn thành<sup>1</sup>.

## A. KẾT QUẢ ĐẠT ĐƯỢC

### I. LĨNH VỰC KINH TẾ, ĐẦU TƯ VÀ TÀI NGUYÊN MÔI TRƯỜNG

#### 1. Tăng trưởng và chuyển dịch cơ cấu kinh tế

Tốc độ tăng trưởng kinh tế (GRDP) của tỉnh tiếp tục là điểm sáng trong “bức tranh” tăng trưởng của cả nước, cả năm đạt 13,45%, đứng đầu cả nước. Trong đó, ngành công nghiệp - xây dựng tăng 17,3% (*công nghiệp tăng 18,6%, xây dựng tăng 6,8%*); nông, lâm nghiệp, thủy sản tăng 2,6%; dịch vụ tăng 6,6%; thuế sản phẩm tăng 7,1%<sup>2</sup>. Quy mô GRDP được mở rộng; giá trị cả năm (*giá hiện hành*) đạt 181,9 nghìn tỷ đồng (*trương đương khoảng 7,6 tỷ USD*), vượt 0,3% kế hoạch (*đứng thứ 12 cả nước*); GRDP bình quân đầu người đạt 3.950 USD, tăng 10%, vượt 3% kế hoạch. Cơ cấu kinh tế dịch chuyển mạnh theo hướng tăng tỷ trọng công nghiệp; trong đó Công nghiệp - xây dựng chiếm 65,7%, tăng 2,7% (*Công nghiệp chiếm 58,8%, tăng 3,2%; xây dựng chiếm 6,9%, giảm 0,5%*); dịch vụ (bao gồm cả thuế sản phẩm) chiếm 21,3%, giảm 1%; nông, lâm nghiệp và thủy sản chiếm 13%, giảm 1,7% so với năm 2022.

Chất lượng tăng trưởng được cải thiện; tỷ lệ đóng góp của năng suất các nhân tố tổng hợp (TFP) vào tăng trưởng đạt 31,5%, tăng 2% so với năm 2022. Năng suất lao động xã hội tăng 12,5%, đạt 182,6 triệu đồng/lao động (*theo giá hiện hành*), vượt 5% kế hoạch đề ra. Ngành dịch vụ là ngành có tốc độ tăng năng suất cao nhất với mức tăng 15,9%; lâm nghiệp và thủy sản tăng 10,4%; công nghiệp – xây dựng tăng 11,2%.

#### 2. Công nghiệp – Xây dựng

##### 2.1. Sản xuất công nghiệp

Tỉnh đã triển khai nhiều giải pháp đồng bộ, kịp thời tháo gỡ khó khăn cho DN, nhà đầu tư, nhất là những khó khăn về vốn, thị trường, lưu thông hàng hóa, thủ tục hành chính, khắc phục tình trạng thiếu điện sản xuất tại các KCN...; quan tâm đầu tư hạ tầng các khu công nghiệp (KCN), cụm công nghiệp (CCN), hạ tầng giao thông kết nối và các hạ tầng phụ trợ khác. Các ngành sản xuất tiếp tục đà phục hồi, sản lượng và đơn hàng mới nhóm công nghiệp chế biến chế tạo đang tăng trở lại, tiếp tục là động lực chính cho tăng trưởng ngành. Chỉ số sản xuất công nghiệp (IIP) cả năm tăng 20,36%<sup>3</sup>. Các sản phẩm công nghiệp chính có mức tăng mạnh<sup>4</sup>.

<sup>1</sup>Chỉ tiêu tốc độ tăng trưởng kinh tế (GRDP) (Tổng cục Thống kê điều chỉnh lại tốc độ tăng trưởng của tỉnh Bắc Giang năm 2021 đạt 8,52%; năm 2022 đạt 20,1%, như vậy GRDP năm 2022 tăng; nếu với số liệu ước tính năm 2022 tại thời điểm xây dựng kế hoạch năm 2023 là 19,3% thì tăng trưởng năm 2023 của tỉnh đạt 15,1%. Tốc độ tăng trưởng bình quân giai đoạn 2021-2023 đạt 14%).

<sup>2</sup> Công nghiệp - xây dựng đóng góp 11,9 điểm phần trăm (*công nghiệp đóng góp 11,35 điểm phần trăm, xây dựng đóng góp 0,5 điểm phần trăm*); dịch vụ đóng góp 1,1 điểm phần trăm; nông, lâm nghiệp và thủy sản đóng góp 0,4 điểm phần trăm; thuế sản phẩm đóng góp 0,2 điểm phần trăm.

<sup>3</sup> Trong đó, ngành khai khoáng tăng 98,49%; ngành công nghiệp chế biến chế tạo tăng 20,83%; ngành sản xuất và phân phối điện, khí đốt, nước nóng, hơi nước và điều hòa không khí tăng 4,3%; ngành cung cấp nước, hoạt động quản lý và xử lý rác thải, nước thải tăng 5,65%.

<sup>4</sup> Sản xuất được trên 600 triệu chiếc mạch điện tích hợp, gấp 2 lần cùng kỳ; 8,9 tỷ sản phẩm may mặc, tăng 12% ....

Giá trị sản xuất (GTSX) công nghiệp (*giá hiện hành*) cả năm đạt 541.169 tỷ đồng, vượt 6,6% kế hoạch. Khu vực DN FDI vẫn là khu vực đóng góp chính vào phát triển công nghiệp của tỉnh; GTSX khu vực này đạt hơn 439.178 tỷ đồng, tăng 18% so với năm 2022, chiếm 81% GTSX công nghiệp toàn tỉnh; GTSX khu vực DN ngoài nhà nước đạt 90.949 tỷ đồng, tăng 46%, chiếm 17%; khu vực DN nhà nước đạt 11.042 tỷ đồng, tăng 7,4%, chiếm 2% so với năm 2022.

Sản xuất công nghiệp chủ yếu tại các KCN với nhiều DN lớn như Luxshare, Fuhong, Hosiden, Siflex, Hana Micron, Newwing, Fuyu của Tập đoàn Foxconn... Đến nay, trong các KCN có 474 DN đang hoạt động sản xuất kinh doanh, tăng 73 DN so với năm 2022 trong đó 424 doanh nghiệp đã đi vào hoạt động sản xuất và kinh doanh. Tổng giá trị sản xuất của các DN trong KCN năm 2023 ước đạt 453.000 tỷ đồng (*chiếm 84%*). Ước đến hết năm, có 195.000 lao động làm việc tại các KCN (*tạo việc làm mới cho khoảng 10.000 lao động*); trong đó, lao động địa phương chiếm khoảng 69%; lao động nước ngoài là 7.100 người; thu nhập bình quân của người lao động khoảng 8 triệu đồng/người/tháng.

Tốc độ tăng trưởng công nghiệp ở các địa phương đều tăng trên 10% so với năm 2022, trong đó một số địa phương có mức tăng cao, như: Hiệp Hòa tăng 29,26%, Thành phố Bắc Giang 23,67%, Lạng Giang 22,84%. Huyện Việt Yên là địa phương sản xuất công nghiệp lớn nhất tỉnh, chiếm tới 78% GTSX toàn tỉnh, tăng 3% năm 2022; Thành phố Bắc Giang đứng thứ 2, chiếm 9,7%, tăng 0,8%; tiếp đến là Yên Dũng, chiếm 3,6%, giảm 0,8%, Hiệp Hòa 2,4%, bằng cùng kỳ; Lạng Giang 2,3%, tăng 0,4%; các huyện còn lại chiếm tỷ trọng nhỏ, đều dưới 1%.

## **2.2. Xây dựng**

Các hoạt động xây dựng được đẩy mạnh. UBND tỉnh phê duyệt sửa đổi, bổ sung Đề án phát triển vật liệu xây dựng tỉnh Bắc Giang thời kỳ 2021-2030. Công tác quản lý VLXD trên địa bàn tỉnh đã từng bước được nâng cao đi vào nề nếp, không bị đầu tư dàn trải, tránh lãng phí nguồn lực xã hội; chất lượng sản phẩm VLXD do các DN trong tỉnh sản xuất và sản phẩm đưa vào công trình được tăng lên, góp phần nâng cao chất lượng công trình trên địa bàn.

Trong năm, một số loại VLXD như sắt thép, nhựa đường, đất san lấp, xăng dầu... có sự biến động mạnh về giá, UBND tỉnh đã chỉ đạo đánh giá tác động của biến động giá VLXD, kịp thời triển khai các biện pháp khắc phục, tháo gỡ khó khăn trong quản lý chi phí đầu tư xây dựng, thực hiện hợp đồng xây dựng; trong đó ban hành 08 số công bố giá vật liệu theo thời điểm biến động. Từ đó giúp các chủ đầu tư, các đơn vị liên quan quản lý tốt chi phí đầu tư xây dựng công trình, tạo thuận lợi cho người dân, DN xác định chi phí đầu tư sát với thực tế, cũng như căn cứ thẩm định thiết kế - dự toán đúng quy định; thúc đẩy các hoạt động đầu tư xây dựng. GTSX toàn ngành tăng 5,7%, quy mô GTSX (*giá hiện hành*) đạt trên 44.479 tỷ đồng, bằng 79,6% kế hoạch.

### 3. Sản xuất nông, lâm nghiệp và thủy sản

Sản xuất nông, lâm nghiệp, thủy sản bên cạnh những thuận lợi do dịch bệnh được kiểm soát, điều kiện thời tiết, song cũng phải đối mặt với nhiều khó khăn, thách thức, đặc biệt là giá thức ăn chăn nuôi, nuôi trồng thủy sản ở mức cao trong khi giá bán sản phẩm lại thấp, việc tiêu thụ nông sản gặp nhiều khó khăn. Trước tình hình đó, UBND tỉnh đã chỉ đạo tập trung thực hiện hiệu quả các đề án, dự án, chính sách hỗ trợ phát triển sản xuất gắn với tăng cường phòng, chống dịch bệnh trên cây trồng, vật nuôi; xây dựng các phương án, kịch bản chỉ đạo sản xuất, tiêu thụ nông sản thích ứng linh hoạt. Do vậy, sản xuất nông, lâm nghiệp, thủy sản duy trì tăng trưởng, khẳng định là vai trò trụ đỡ của nền kinh tế. GTSX toàn ngành cả năm tăng 2,6%, trong đó, nông nghiệp tăng 2,4%; lâm nghiệp tăng 3,3%, thủy sản tăng 5,3%. GTSX (*giá hiện hành*) đạt 40.516 tỷ đồng, vượt 6,6% kế hoạch. Đến hết năm 2023, toàn tỉnh có 290 phẩm OCOP, tăng 85 sản phẩm so với năm 2022, vượt 26,1% kế hoạch.

#### 3.1. Nông nghiệp

Các loại cây trồng chủ lực tiếp tục phát triển theo hướng sản xuất với quy mô lớn, có sự hợp tác, liên kết theo chuỗi giá trị; việc áp dụng các tiến bộ kỹ thuật, quy trình sản xuất tiên tiến như VietGAP, GlobalGAP, UDCNC,... được quan tâm và nhân rộng<sup>5</sup>. Diện tích gieo cấy lúa cả năm đạt 95.850 ha, bằng 98,1% so với năm 2022, song diện tích lúa chất lượng lại tăng 1%, đạt 45.500 ha. GTSX/1ha đất sản xuất nông nghiệp đạt 138 triệu đồng, vượt 2,2 % kế hoạch. Bên cạnh đó, trong những năm gần đây, hiệu quả kinh tế của việc trồng Vải thiều được nâng lên đáng kể, dẫn đến diện tích trồng Vải có xu hướng tăng; diện tích cây vải đạt 29.755 ha, tăng 2,2%, sản lượng đạt trên 204 nghìn tấn, tăng 2,8% so cùng kỳ<sup>6</sup>.

Các chính sách hỗ trợ phát triển chăn nuôi, phòng chống dịch bệnh được thực hiện kịp thời và hiệu quả. Chăn nuôi tiếp tục chuyển dịch mạnh mẽ theo hướng giảm chăn nuôi nhỏ lẻ và giảm tỷ trọng đàn lợn, tăng chăn nuôi tập trung quy mô trang trại, chăn nuôi theo chuỗi khép kín gắn với tăng tỷ trọng đàn gia cầm và gia súc ăn cỏ, ưu tiên ứng dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật mới, công nghệ cao vào sản xuất, tạo ra sản phẩm đảm bảo an toàn thực phẩm<sup>7</sup>. Tổng đàn lợn đạt 885 nghìn con, giảm 2,7%, đàn gia cầm tăng 2,5% với 20,5 triệu con (trong đó

<sup>5</sup> Nhiều mô hình cho hiệu quả kinh tế cao như: Mô hình sản xuất rau chế biến tập trung với diện tích 12 ha tại xã Ngọc Thiện và xã Cao Xá- huyện Tân Yên cho hiệu quả kinh tế đạt trên 190 triệu đồng/ha; Mô hình khoai tây chế biến tại các xã Phúc Sơn, Quang Tiến, Đại Hoá, Lan Giời, Ngọc Thiện – huyện Tân Yên với diện tích 116ha cho thu nhập trên 115 triệu đồng/ha; Mô hình sản xuất dưa chuột của HTX dưa leo quê Lục Nam tại xã Đông Phú – huyện Lục Nam với quy mô 40 ha cho hiệu quả kinh tế đạt 195 triệu đồng/ha...

<sup>6</sup> Vải sản xuất theo hướng VietGap diện tích đạt 15.600 ha, tăng 1,3% so cùng kỳ, bằng 100% kế hoạch; Vải GlobalGAP, vải cấp mã xuất sang thị trường Mỹ, Nhật, EU diện tích là 1.086 ha, tăng gần gấp đôi năm 2022, bằng 100% kế hoạch.

<sup>7</sup> Toàn tỉnh hiện có 98 HTX chăn nuôi gia súc, gia cầm, trên 2.245 trang trại chăn nuôi; có 6 cơ sở chăn nuôi được chứng nhận VietGAHP, 102 cơ sở chăn nuôi an toàn dịch bệnh. Duy trì 10 chuỗi chăn nuôi lợn và chăn nuôi gia cầm gắn với giết mổ, chế biến.

đàn gà 17 triệu con). Sản lượng thịt hơi các loại đạt trên 274 nghìn tấn, tăng 7,9%, đạt 105,8% kế hoạch<sup>8</sup>.

### **3.2. Thủy sản và công tác thủy lợi**

Sản xuất thủy sản tiếp tục phát triển mở rộng theo hướng thâm canh ứng dụng công nghệ cao, cơ giới hóa, nuôi an toàn theo tiêu chuẩn VietGAP. Diện tích nuôi thủy sản đạt 12,05 ngàn ha, vượt kế hoạch 0,4%. Sản lượng khai thác thủy sản cả năm đạt 53.700 tấn, tăng 2,8%, vượt 0,8% kế hoạch.

Công tác quản lý khai thác công trình thủy lợi được chú trọng; thực hiện tốt việc quản lý, duy tu, bảo dưỡng, khai thác và đảm bảo an toàn cho 1.300 công trình thủy lợi (bao gồm: 274 hồ chứa; 203 đập dâng; 823 trạm bơm; 6.481 km kênh tưới; 1.443 km kênh tiêu) đáp ứng yêu cầu sản xuất theo kế hoạch, đảm bảo tưới cho 153.702 ha, đạt 100% kế hoạch. Công tác quản lý đê điều và phòng, chống thiên tai, tìm kiếm cứu nạn được tăng cường; kịp thời xử lý khắc phục sự cố và xử lý vi phạm<sup>9</sup>.

### **3.3. Sản xuất lâm nghiệp**

Công tác quản lý, bảo vệ và phát triển rừng tiếp tục được quan tâm; các chỉ tiêu trồng và bảo vệ rừng đều đạt và vượt kế hoạch đề ra. Đến hết năm, toàn tỉnh trồng được 10.558 ha rừng tập trung, tăng 2,1% so cùng kỳ, vượt 38,1% kế hoạch; Chương trình 01 tỷ cây xanh được triển khai rộng rãi, toàn tỉnh đã trồng 6,5 triệu cây phân tán các loại vượt 6,6% kế hoạch; tỷ lệ bao phủ rừng đạt 37,8%, đạt 100% kế hoạch; khai thác được 1,12 triệu m<sup>3</sup> gỗ các loại, tăng 4,6% so với cùng kỳ. Công tác bảo vệ rừng, phòng cháy chữa cháy rừng được tăng cường; các vụ cháy rừng được phát hiện và kiểm soát kịp thời, không gây hậu quả nghiêm trọng<sup>10</sup>.

## **4. Dịch vụ**

Các hoạt động dịch vụ phục hồi và phát triển tích cực nhờ kiểm soát tốt dịch bệnh. GTSX toàn ngành tăng 10,1%; GTSX (giá hiện hành) đạt 53.243 tỷ đồng.

### **4.1. Hoạt động thương mại, xuất nhập khẩu**

Xung đột Nga – Ukraina và tại Dải Gaza, thiếu điện sản xuất diễn ra cục bộ trong tháng 6 và tháng 7 đã tác động làm thiếu hụt nguồn cung, dẫn đến giá cả một số hàng hóa, dịch vụ vẫn ở mức cao như xăng dầu, gas, VLXD, thực phẩm, cước vận tải... Trước tình hình đó, UBND tỉnh đã chỉ đạo tập trung theo dõi diễn biến tình hình cung cầu, diễn biến thị trường, giá cả hàng hóa để thực hiện các biện pháp nhằm ổn định thị trường, không để xảy ra mất cân đối cung cầu, gây đột biến giá cả, nhất là các mặt hàng thiết yếu phục vụ nhu cầu sinh

<sup>8</sup> sản phẩm chăn nuôi của Bắc Giang chủ yếu được xuất bán ra các tỉnh lân cận như: Hà Nội, Hải Phòng, Quảng Ninh, Lạng Sơn.....chiếm tới 60%, còn lại 40% phục vụ cho tiêu thụ nội tỉnh.

<sup>9</sup> Đã phát hiện và tiến hành lập biên bản vi phạm 26 trường hợp vi phạm Luật Đê điều mới phát sinh (tăng 06 vụ so với cùng kỳ). Tổng số trường hợp vi phạm được xử lý từ 01/01/2023 đến nay là 167 trường hợp (tăng 55 vụ so với cùng kỳ).

<sup>10</sup> Đã xảy ra 05 vụ cháy rừng, tăng 02 vụ so với năm 2022; thiệt hại 13,40 ha rừng, tăng 11,47 ha. Lực lượng chức năng đã kiểm tra, phát hiện lập biên bản 66 vụ vi phạm Luật Lâm nghiệp giảm 41 vụ so với năm 2022, khối lượng gỗ vi phạm 26,579 m<sup>3</sup> giảm 21,195 m<sup>3</sup>. Đã xử phạt 58 vụ, trong đó xử phạt vi phạm hành chính 53 vụ, tịch thu 17,983m<sup>3</sup> gỗ các loại, 12.805 kg lâm sản ngoài gỗ, 04 chiếc cưa xăng...thu nộp ngân sách nhà nước 972,185 triệu đồng; xử lý hình sự 05 vụ; 08 vụ đang xử lý.

hoạt của người dân; chỉ đạo triển khai hiệu quả Cuộc vận động “Người Việt Nam ưu tiên dùng hàng Việt Nam”; các loại hàng hóa thiết yếu phục vụ sản xuất của DN, tiêu dùng của người dân được duy trì, cơ bản ổn định, đáp ứng nhu cầu thị trường. Tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ có mức tăng khá; giá trị cả năm đạt 56.500 tỷ đồng, tăng 13%, vượt 2,7% kế hoạch.

Hoạt động xuất, nhập khẩu hàng hóa của các DN duy trì xu hướng tăng trưởng cao; tổng giá trị xuất, nhập khẩu cả năm 2023 đạt 52,4 tỷ USD, tăng 20,9% so với năm 2022, vượt 0,7% kế hoạch; trong đó xuất khẩu đạt 27,4 tỷ USD, tăng 22,3%; nhập khẩu 25 tỷ USD, tăng 19,4%. Các đối tác thương mại lớn nhất của các DN trong tỉnh đến từ: Trung Quốc, Hàn Quốc, Mỹ, Ấn Độ, Đài Loan, Nhật Bản, Tây Ban Nha. Các sản phẩm xuất khẩu chủ yếu: Hàng dệt may, da giày; máy tính, sản phẩm điện tử, điện thoại và linh kiện các loại; thiết bị điện...

Hoạt động xúc tiến thương mại và đầu tư có nhiều đổi mới, cách làm sáng tạo. Nhiều đoàn DN lớn trong nước và nước ngoài đến tìm hiểu cơ hội hợp tác đầu tư, mở ra nhiều triển vọng phát triển trong thời gian tới. Một số hoạt động nổi bật đã được tổ chức thành công như: chuỗi các sự kiện xúc tiến tiêu thụ vải thiều và nông sản chủ lực, đặc trưng của tỉnh Bắc Giang năm 2023 tại thị trường Trung Quốc, Nhật Bản, EU, UAE, Úc, Mỹ... Với nhiều cách làm sáng tạo<sup>11</sup> đã mang lại hiệu quả cao cho vụ vải thiều năm 2023 của Bắc Giang, mặc dù sản lượng không cao bằng năm trước nhưng tổng doanh thu từ Vải thiều và các dịch vụ phụ trợ lại cao nhất từ trước đến nay đạt hơn 6.876 tỷ đồng, riêng doanh thu từ Vải thiều ước đạt khoảng trên 4.658 tỷ đồng, tăng hơn 247 tỷ đồng so với năm 2022.

#### **4.2. Dịch vụ tài chính, ngân hàng**

Hệ thống các tổ chức tín dụng trên địa bàn tỉnh ngày càng được phát triển mở rộng, cả về số lượng và chất lượng, hoạt động tín dụng được đảm bảo hiệu quả, an toàn hệ thống, dịch vụ tài chính đa dạng, linh hoạt, phù hợp, góp phần thực hiện chủ trương của Đảng và Nhà nước về ổn định thị trường tiền tệ. Đến nay, trên địa bàn tỉnh đã có 23 chi nhánh ngân hàng thương mại đang hoạt động, tăng 3 chi nhánh so với năm 2022. Ngoài ra, còn có 01 chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội, 01 chi nhánh ngân hàng Hợp tác xã và 20 Quỹ tín dụng nhân dân.

Các tổ chức tín dụng trên địa bàn tiếp tục triển khai nhiều giải pháp hỗ trợ DN, hợp tác xã, hộ kinh doanh nhằm thúc đẩy phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội trên cơ sở một số chính sách mới<sup>12</sup> được ban hành có tác động giúp tăng thanh khoản cho thị trường tài chính. Tập trung vốn cho lĩnh vực sản xuất kinh

<sup>11</sup> Với sự đồng hành của hơn 70 người sáng tạo nội dung tên nền tảng TikTok, Facebook, nghệ sỹ nổi tiếng (nghệ sỹ Xuân Bắc) đăng tải clip livestream giới thiệu quảng bá, lan tỏa hình ảnh vải thiều Bắc Giang với chủ đề “Bắc Giang đa sắc” tạo ra lượt tiếp cận lớn người dùng internet từ khắp muôn nơi; chương trình “Chợ phiên OCOP” trên TikTok shop - Khám phá đặc sản tỉnh Bắc Giang đã có 4,5 triệu lượt xem...

<sup>12</sup> Luật Kinh doanh bảo hiểm có hiệu lực từ ngày 01/01/2023; Thông tư 26/2022/TT-NHNN ngày 31/12/2022 sửa đổi Thông tư 22/2019/TT-NHNN quy định các giới hạn, tỷ lệ bảo đảm an toàn trong hoạt động của các ngân hàng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài; Nghị định 08/2023/NĐ-CP ngày 5/3/2023 sửa đổi Nghị định 65/2022/NĐ-CP về phát hành TPDN riêng lẻ, Nghị quyết số 33/2023 ngày 11/3/2023 về một số giải pháp tháo gỡ và thúc đẩy thị trường BĐS; Quyết định 338/QĐ-CP ngày 3/4/2023 về phát triển 1 triệu căn hộ nhà ở xã hội và Nghị định 10/NĐ-CP ngày 3/4/2023 tháo gỡ vướng mắc về cấp sổ hồng cho BĐS du lịch...

doanh, lĩnh vực ưu tiên, kiểm soát chặt chẽ tín dụng đối với lĩnh vực tiềm ẩn rủi ro, tích cực chuyển dịch cơ cấu tín dụng theo định hướng phát triển kinh tế. Tăng cường chuyển đổi số và bảo đảm an ninh, an toàn thông tin trong hoạt động ngân hàng; đẩy mạnh thanh toán không dùng tiền mặt. Tăng trưởng tín dụng đạt kết quả khá, đã hỗ trợ tích cực cho tăng trưởng kinh tế; đến 31/12/2023, tổng huy động vốn đạt 103.500 tỷ đồng, tăng 20,9%, dư nợ đạt 93.500 tỷ đồng, tăng 13,5%; nợ xấu 584 tỷ đồng, chiếm 0,6% tổng dư nợ, giảm 0,23% so với năm 2022.

Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh tiếp tục mở rộng cho vay hộ nghèo, đối tượng chính sách, cho vay học sinh, sinh viên, chương trình nước sạch và vệ sinh môi trường, cho vay các đối tượng chính sách đi lao động có thời hạn ở nước ngoài... đến 31/12/2023 đạt 6.616 tỷ đồng, tăng 13,5% so với 31/12/2022.

### **4.3. Dịch vụ giao thông vận tải và bưu chính, viễn thông**

Hoạt động vận tải tiếp tục đà tăng trưởng mạnh mẽ cả về vận tải hành khách và hàng hóa. Trong đó, vận tải hành khách đạt 27.820 nghìn lượt người, tăng 15%; luân chuyển 1,16 triệu người.km tăng 16%, vận tải hàng hóa đạt 31.520 nghìn tấn hàng hóa vận chuyển, tăng 14%, khối lượng luân chuyển đạt 846.300 nghìn tấn.km, tăng 15% so với năm 2022.

Hạ tầng, mạng lưới bưu chính viễn thông tiếp tục phát triển ổn định theo hướng ngày càng hiện đại; đảm bảo thông tin liên lạc thông suốt, phục vụ công tác lãnh đạo, chỉ đạo của các cấp, các ngành trong việc phát triển KTXH, đảm bảo quốc phòng, an ninh và nhu cầu sử dụng của Nhân dân. Toàn tỉnh hiện có 334 điểm phục vụ bưu chính<sup>13</sup>. Có 1.580 vị trí lắp đặt trạm BTS, tăng 35 trạm; 1,9 triệu thuê bao điện thoại, tăng 2,7%; 1,76 triệu thuê bao Internet (*cố định, di động*), tăng 2,3%. Tổng doanh thu bưu chính, viễn thông đạt 2.750 tỷ đồng<sup>14</sup>, tăng 3%, nộp ngân sách Nhà nước (NSNN) trên 70 tỷ đồng.

### **4.4. Dịch vụ du lịch**

Tiếp tục quan tâm phát triển du lịch, đã tham mưu HĐND tỉnh xây dựng Nghị quyết Quy định chính sách hỗ trợ phát triển du lịch cộng đồng trên địa bàn tỉnh Bắc Giang giai đoạn 2023-2030<sup>15</sup>; xây dựng Đề án phục dựng “Con đường Hoàng Dương phạt pháp của các Phật tử Phật giáo Trúc Lâm Yên Tử”; tổ chức thành công sự kiện Tuần Văn hóa - Du lịch năm 2023 với 15 sự kiện, hoạt động chính và nhiều hoạt động hưởng ứng trên địa bàn các huyện, thành phố; ký biên bản thỏa thuận hợp tác, khai trương 07 tour, tuyến du lịch Văn hóa Hà Nội - Bắc Giang...

Lượng khách du lịch cả năm đạt khoảng 2,05 triệu lượt khách, tăng 48,1% so với cùng kỳ, vượt 33% kế hoạch; tổng doanh thu từ các hoạt động kinh doanh du lịch đạt 1.450 tỷ đồng, tăng 123% so cùng kỳ. Một số điểm thu hút đông du khách như: chùa Vĩnh Nghiêm, chùa Bồ Đà, khu di tích tâm linh - sinh thái Tây Yên Tử, khu di tích chiến thắng Xương Giang, khu du lịch sinh

<sup>13</sup> Trong đó, 76 bưu cục, 195 điểm bưu điện văn hóa xã, 63 điểm phục vụ bưu chính loại hình khác.

<sup>14</sup> Doanh thu bưu chính đạt 540 tỷ đồng, doanh thu viễn thông đạt 2.210 tỷ đồng.

<sup>15</sup> Nghị quyết số 41/2023/NQ-HĐND ngày 14/7/2023 của HĐND tỉnh.

thái Suối Mỡ...

## 5. Thu, chi ngân sách nhà nước

Mặc dù kinh tế của tỉnh phải đối mặt với nhiều khó khăn, thách thức nhưng với nỗ lực, quyết tâm của tỉnh trong chỉ đạo tăng cường công tác thu ngân sách, chống thất thu ngân sách; nhất là thực hiện nghiêm Chỉ thị số 12-CT/TU ngày 28/9/2021 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về tăng cường sự lãnh đạo của cấp ủy đảng đối với công tác quản lý thu, chi NSNN, chống thất thu, trọng tâm là trong lĩnh vực khai thác tài nguyên khoáng sản, tập trung tháo gỡ vướng mắc để đẩy nhanh tiến độ đấu giá quyền sử dụng đất, các dự án được giao đất để tạo nguồn thu phục vụ các nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội; thực hiện đồng bộ các biện pháp quản lý thuế, trong đó tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra<sup>16</sup> chống thất thu, trốn lậu thuế; đẩy mạnh công tác quản lý nợ đọng thuế; tăng cường công tác tuyên truyền, hỗ trợ người nộp thuế ở tất cả các khâu, các bộ phận, các lĩnh vực thông qua việc đổi mới phương thức, phát triển đa dạng, phong phú các hình thức tuyên truyền để hỗ trợ, phục vụ người nộp thuế một cách tốt nhất.

Do vậy, thu ngân sách nhà nước năm 2023 của tỉnh vẫn đạt kết quả tích cực, là một trong 18 tỉnh hoàn thành dự toán thu NSNN. Tổng thu NSNN năm 2023 đạt 17.278,9 tỷ đồng, vượt 14,8% dự toán (bằng 93% năm 2022), vượt 35,9% dự toán TW giao; trong đó, thu nội địa đạt 15.598 tỷ đồng, vượt 18,8% dự toán; thu thuế xuất nhập khẩu khoảng 1.681,3 tỷ đồng, đạt 88,5% dự toán. Có 13/16 khoản thu nội địa đạt và vượt dự toán, trong đó có các khoản thu quan trọng như: DN có vốn đầu tư nước ngoài 2.486 tỷ đồng, vượt dự toán 48,7%; thu cấp quyền khai thác khoáng sản 35,7 tỷ đồng, gấp gần 3 lần dự toán; thu từ khu vực ngoài quốc doanh 1.885 tỷ đồng, vượt 14,2%; thu tiền sử dụng đất 7.138,7 tỷ đồng, vượt 19%; thu thuế thu nhập cá nhân 1.317,2 tỷ đồng, vượt 13,6%. Thu ngân sách tại các địa phương đạt kết quả khá; 10/10 huyện, thành phố đều vượt dự toán năm<sup>17</sup>. Có 04 địa phương đạt mức thu trên 1.000 tỷ đồng, gồm: Thành phố Bắc Giang đạt 3.245,9 tỷ đồng, Việt Yên 2.043 tỷ đồng, Lạng Giang 1.112,5 tỷ đồng và Yên Dũng 1.089,2 tỷ đồng.

Chi ngân sách địa phương cơ bản theo dự toán được giao, đảm bảo các nhu cầu phát triển KTXH, quốc phòng, an ninh, quản lý Nhà nước, cũng như chi trả kịp thời cho các đối tượng theo quy định và các nhiệm vụ chi quan trọng, cấp thiết. Thực hiện rà soát, sắp xếp lại các nhiệm vụ chi thường xuyên đảm bảo phù hợp; tăng cường quản lý chi tiêu tiết kiệm, chặt chẽ, hiệu quả sử dụng NSNN được nâng lên. Tổng chi ngân sách cả năm đạt 37.868,6 tỷ đồng, bằng 94,6% so với năm 2022, vượt dự toán 70,8%. Trong đó: chi đầu tư phát triển do địa phương quản lý đạt 14.977,3 tỷ đồng, tăng 0,4% so với cùng kỳ; chi thường xuyên 12.109,3 tỷ đồng, tăng 14,7% so cùng kỳ, còn lại là các khoản chi khác.

<sup>16</sup> Hoàn thành 480 cuộc thanh tra, kiểm tra thuế; số thuế truy thu, truy hoàn và phạt vi phạm hành chính, phạt chậm nộp 157,89 tỷ đồng (trong đó: Truy thu thuế 109,64 tỷ đồng; truy hoàn 4,74 tỷ đồng; phạt vi phạm hành chính 28,38 tỷ đồng; tiền chậm nộp 15,13 tỷ đồng); giảm khấu trừ 23,51 tỷ đồng; giảm lỗ 1.115,08 tỷ đồng. Số tiền thuế đã nộp NSNN 140,81 tỷ đồng.

<sup>17</sup> Nội bật các huyện: Tân Yên vượt 224,4%, Yên Thế vượt 77,2%, Lạng Giang vượt 99,7%, Lục Ngạn vượt 31,7%...



## 6. Đầu tư phát triển

Trong năm 2023, các hoạt động sản xuất kinh doanh tiếp tục đà phục hồi và phát triển mạnh mẽ, nhờ vậy đầu tư phát triển tăng trưởng mạnh. Tổng vốn đầu tư phát triển cả năm đạt 88.650 tỷ đồng, bằng 48,8% GRDP, tăng 20,2%, đạt 100% kế hoạch<sup>18</sup>. Điểm nổi bật là tất cả các nguồn vốn đều tăng so với năm 2022, đặc biệt vốn đầu tư nước ngoài tăng mạnh, tỷ trọng vốn đầu tư của khu vực này vươn lên vị trí thứ 2 trong tổng vốn đầu tư toàn xã hội, chiếm 32,7%, tăng 28,15% so với năm 2022; vốn đầu tư từ NSNN và vốn đầu tư khu vực dân cư cũng tăng nhẹ lần lượt chiếm 17% và 41%, tăng 15,5% và 10,6%.

### 6.1. Đầu tư công và 3 Chương trình mục tiêu quốc gia

Công tác quản lý kế hoạch vốn đầu tư công tiếp tục được thực hiện nghiêm túc, quyết liệt; hiệu quả đầu tư được nâng lên. Ngay từ những tháng đầu năm, UBND tỉnh đã quán triệt, chỉ đạo triển khai thực hiện quyết liệt, đồng bộ các giải pháp theo chỉ đạo của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, các bộ, ngành Trung ương nhằm đẩy nhanh tiến độ thực hiện và giải ngân vốn đầu tư công. Đã thành lập Tổ công tác liên ngành thúc đẩy giải ngân kế hoạch vốn đầu tư công năm 2023 nhằm tăng cường hỗ trợ giải quyết, tháo gỡ khó khăn, vướng mắc của các dự án, đặc biệt là các dự án lớn, các dự án trọng điểm về hạ tầng giao thông mang tính kết nối liên vùng. Phân đầu giải ngân kế hoạch vốn đã giao năm 2023 đạt tỷ lệ cao nhất, góp phần phát huy hiệu quả sử dụng các nguồn vốn đầu tư, tạo động lực lan tỏa, tạo ra năng lực sản xuất mới, thu hút đầu tư thúc đẩy tăng trưởng kinh tế, giải quyết các vấn đề an sinh, xã hội.

Tổng kế hoạch vốn đầu tư công năm 2023 do tỉnh quản lý đến nay là 13.557,3 tỷ đồng, trong đó: Vốn giao đầu năm 2023 là 9.951 tỷ đồng<sup>19</sup>; vốn NS tỉnh bổ sung trong năm là 730,172 tỷ đồng; vốn NSTW bổ sung (vốn ODA cấp phát CTMTQG xây dựng nông thôn mới) là 35,466 tỷ đồng; vốn năm 2022 kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân sang năm 2023 là 454,471 tỷ đồng; vốn đầu tư công ngân sách cấp huyện năm 2022 kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân sang năm 2023 là 2.041,166 tỷ đồng; nguồn tăng thu ngân sách cấp huyện năm 2022 chuyển nguồn sang năm 2023 bổ sung cho đầu tư và đã giao chi tiết đến các chủ đầu tư là 345,012 tỷ đồng. Giá trị giải ngân đến ngày đến 31/01/2024 ước đạt 13.014 tỷ đồng, bằng 96,8% kế hoạch<sup>20</sup>.

### 6.2. Đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng và phát triển đô thị

#### 6.2.1. Hạ tầng giao thông

Hạ tầng giao thông tiếp tục có sự chuyển biến rõ nét; nhiều trục giao thông quan trọng của tỉnh được đầu tư xây dựng đã phát huy hiệu quả, góp phần cải thiện, nâng cao chất lượng đời sống của Nhân dân, thúc đẩy sự phát triển KT-XH tỉnh. Trong năm có 05 dự án giao thông trọng điểm đã được hoàn

<sup>18</sup> Trong đó: Vốn ngân sách nhà nước 14.777 tỷ đồng, tăng 109%; vốn ODA 205 tỷ đồng, bằng 50,7%; khu vực DN 8.300 tỷ đồng, tăng 26,9%; khu vực FDI 28.989 tỷ đồng, bằng 85,3%; khu vực dân cư 36.379 tỷ đồng, tăng 7,3%.

<sup>19</sup> Vốn ĐTPT 9.507,2 tỷ đồng; vốn SN 443,8 tỷ đồng.

<sup>20</sup> Vốn ĐTPT giải ngân 12.552 tỷ đồng, bằng 96,8% kế hoạch; vốn SN giải ngân 462,4 tỷ đồng, bằng 98,2% kế hoạch.

thành<sup>21</sup> và khởi công mới 04 dự án; nâng tổng số dự án giao thông lớn đang triển khai lên 11 dự án. 01 dự án cơ bản hoàn thành thi công trong năm<sup>22</sup>.

### 6.2.2. Hạ tầng Khu, Cụm công nghiệp, thương mại

Phát triển hạ tầng các KCN, CCN được đặc biệt quan tâm. Đến nay, đã cơ bản hoàn thành hồ sơ quy hoạch đối với 16 KCN trong danh mục ưu tiên thực hiện giai đoạn 2022-2025<sup>23</sup>. Hiện có 14 KCN đang trình hồ sơ đề nghị thẩm định chấp thuận chủ trương đầu tư (gồm các KCN: Nghĩa Hưng, Hòa Yên, Phúc Sơn, Đồng Phúc, Yên Lư mở rộng, Châu Minh - Bắc Lý - Hương Lâm, Quang Châu 2, Đức Giang, Xuân Cẩm-Hương Lâm, Hòa Phú mở rộng giai đoạn 2, Việt Hàn mở rộng, Yên Sơn – Bắc Lũng, sáp nhập Cụm CN Tăng Tiến vào KCN Vân Trung, sáp nhập CCN Tân Hưng vào KCN Tân Hưng).

Tập trung cao công tác bồi thường, GPMB các dự án đầu tư xây dựng hạ tầng KCN đã được chấp thuận chủ trương đầu tư. Đặc biệt, đã hoàn thành GPMB thêm 406,6 ha đất công nghiệp<sup>24</sup>, tạo quỹ đất sạch để thu hút đầu tư, vượt 15% kế hoạch. Đồng thời, chỉ đạo, đôn đốc các chủ đầu tư xây dựng hoàn thiện hạ tầng kỹ thuật đối với phần diện tích đã được bàn giao mặt bằng. Đến nay, có 04 KCN đã đạt tỷ lệ lấp đầy 100% là: Đình Trám, Quang Châu, Song Khê - Nội Hoàng, Vân Trung; 04 KCN đang xây dựng hạ tầng bao gồm: KCN Hòa Phú tỷ lệ lấp đầy đạt khoảng 93%, KCN Việt Hàn tỷ lệ lấp đầy đạt trên 70%, KCN Tân Hưng tỷ lệ lấp đầy đạt khoảng 53,4%, KCN Yên Lư thu hút được 01 dự án với diện tích 16,89ha...

Trong năm, đã thành lập 5 CCN, lũy kế đến nay có 54 CCN được thành lập với tổng diện tích 2.254 ha. Toàn tỉnh hiện có 40/54 CCN có chủ đầu tư kinh doanh hạ tầng là DN với 35 CCN đã được đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật và đi vào hoạt động, diện tích đất công nghiệp đã cho thuê khoảng 569ha, thu hút được 258 dự án (có 224 dự án đã đi vào hoạt động sản xuất kinh doanh), với số vốn đăng ký đạt 33.067 tỷ đồng, tỷ lệ lấp đầy đạt 54%. Kết cấu hạ tầng thương mại được hoàn thiện, nhiều chợ được đầu tư nâng cấp mở rộng, các trung tâm thương mại, siêu thị lớn đã và đang từng bước được đầu tư đáp ứng cho nhu cầu sản xuất kinh doanh và tiêu dùng trong nhân dân theo hướng văn minh, hiện đại và bền vững.

### 6.2.3. Phát triển đô thị

Công tác quản lý, phát triển đô thị được tích cực triển khai. Trong năm, Chủ tịch UBND tỉnh đã ban hành quyết định công nhận đạt tiêu chí đô thị loại V đối với thị trấn Tây Yên Tử, huyện Sơn Động và đề án công nhận khu vực dự kiến thành lập thị trấn Biền Động, huyện Lục Ngạn đạt tiêu chí đô thị loại V. Đồng thời, UBND tỉnh đã phê duyệt đề cương lập mới chương trình phát triển đô thị

<sup>21</sup> Bao gồm: (1) Cải tạo, nâng cấp ĐT 298 (đoạn từ Đình Nèo đi Việt Yên); (2) Đường nối QL 37 - QL17 - ĐT 292 đoạn Việt Yên - Tân Yên - Lạng Giang; (3) Cải tạo, nâng cấp ĐT 292 (đoạn từ cầu Bồ Hạ đến thị trấn Phồn Xương), huyện Yên Thế; (4) Dự án Xây dựng cầu Như Nguyệt, tỉnh Bắc Giang; (5) Cải tạo, nâng cấp ĐT 291 trên địa bàn huyện Sơn Động.

<sup>22</sup> Dự án Xây dựng đường và cầu kết nối huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang với thị xã Phò Yên, tỉnh Thái Nguyên (đoạn từ QL.37 đến cầu Hòa Sơn);

<sup>23</sup> 12 KCN mới đã được phê duyệt quy hoạch xây dựng, 04 Khu công nghiệp đã có điều chỉnh Quy hoạch đô thị, quy hoạch vùng huyện và cơ bản hoàn thiện hồ sơ điều chỉnh quy hoạch xây dựng.

<sup>24</sup> trong đó đất KCN là 268,72ha và cụm công nghiệp là 137,9ha

Bắc Giang (phạm vi gồm thành phố Bắc Giang và huyện Yên Dũng), đô thị Chũ (phạm vi ranh giới gồm khu vực dự kiến thành lập thị xã Chũ), đô thị thị trấn Vôi, huyện Lạng Giang; đã hoàn thành Đồ án quy hoạch chung đô thị Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang đến năm 2045, tỷ lệ 1/10.000 được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt. Ủy ban Thường vụ Quốc hội đã ban hành Nghị quyết thành lập thị xã Việt Yên và các phường thuộc thị xã Việt Yên, tỉnh Bắc Giang.

Công tác quy hoạch quản lý kiến trúc được tăng cường; 100% các đồ án quy hoạch xây dựng được công khai và đưa mốc giới ra thực địa để quản lý, góp phần đảm bảo, trong đó đất KCN là 268,72ha và cụm công nghiệp là 137,9ha chất lượng kiến trúc, cảnh quan và môi trường đô thị, tạo ra động lực cho phát triển KTXH. Tỉnh đã chỉ đạo thẩm định 14 đồ án quy hoạch chi tiết, 14 đồ án điều chỉnh quy hoạch chi tiết cục bộ; 17 đồ án Quy hoạch chung và điều chỉnh quy hoạch chung; 15 đồ án quy hoạch phân khu, điều chỉnh quy hoạch phân khu; thẩm định nhiệm vụ 07 quy hoạch.

Diện mạo đô thị ngày càng đổi mới, hiện đại; toàn tỉnh hiện có 147 dự án khu đô thị, khu dân cư mới đã được UBND tỉnh chấp thuận đầu tư và phê duyệt kết quả lựa chọn chủ đầu tư<sup>25</sup>; trong đó có 21 dự án đã hoàn thành; 05 dự án cơ bản hoàn thành; 32 dự án đang thi công xây dựng; 94 dự án đang thực hiện giải phóng mặt bằng và thực hiện các thủ tục chuẩn bị đầu tư. Tỷ lệ dân số đô thị đạt 23,7%, tăng 2% năm 2022. Bên cạnh đó, Chủ tịch UBND tỉnh đã ban hành nhiều văn bản chỉ đạo về công tác quản lý trật tự xây dựng tại các khu vực quy hoạch dự án phát triển, đôn đốc các huyện, thành phố lập kế hoạch chi tiết triển khai các dự án khu đô thị, khu dân cư trên địa bàn; qua đó, kịp thời chấn chỉnh, bình ổn thị trường bất động sản trên địa bàn.

#### 6.2.4. Hạ tầng nông nghiệp, nông thôn

Hạ tầng nông nghiệp, nông thôn có nhiều thay đổi theo hướng ngày càng hoàn thiện, hiện đại phục vụ sản xuất và đời sống dân sinh, từ đó góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế xã hội của tỉnh. Đến hết năm 2023, hoàn thành 03 dự án đầu tư xây dựng trạm bơm Khám Lạng, trạm bơm cống Chấn và trạm bơm Ngòi Mân.

Phong trào xây dựng nông thôn mới (NTM) được đẩy mạnh; có sự kết hợp hài hòa, hợp lý nguồn vốn NSNN với nguồn xã hội hóa. Cơ sở hạ tầng, cảnh quan, môi trường đặc biệt là chất lượng sống của người dân khu vực nông thôn được cải thiện đáng kể. Đến nay, có 06/10 đơn vị cấp huyện đạt chuẩn và hoàn thành nhiệm vụ NTM (gồm 05 huyện<sup>26</sup> và thành phố Bắc Giang). Hết năm 2023 có thêm 09 xã đạt chuẩn NTM, lũy kế toàn tỉnh có 154/182 xã, chiếm 84,6%, số tiêu chí bình quân toàn tỉnh đạt 17,4 tiêu chí/xã, tăng 0,3 tiêu chí so với năm 2022; thêm 15 xã đạt chuẩn xã NTM nâng cao, lũy kế toàn tỉnh có 58 xã đạt chuẩn xã NTM nâng cao; có thêm 11 xã đạt NTM kiểu mẫu, lũy kế có 12 xã đạt

<sup>25</sup> Đến 31/10/2023, UBND tỉnh đã phê duyệt chủ trương đầu tư 9 dự án, tổng diện tích 123,84 ha, tổng vốn đầu tư 11.118 tỷ đồng.

<sup>26</sup> Việt Yên, Yên Dũng, Hiệp Hòa, Lạng Giang, Tân Yên

chuẩn xã NTM kiểu mẫu. Có thêm 119 thôn đạt thôn NTM kiểu mẫu, lũy kế toàn tỉnh có 359 thôn NTM kiểu mẫu.

#### 6.2.5. Hạ tầng số; chuyển đổi số

Công tác phát triển hạ tầng số gắn với chuyển đổi số được chú trọng. Trung tâm tích hợp dữ liệu (THDL) tỉnh được duy trì thực hiện hiệu quả đã tăng cường quản trị, vận hành và hỗ trợ các đơn vị khai thác sử dụng cho các hệ thống thông tin, phần mềm dùng chung của tỉnh; đưa Trung tâm giám sát, điều hành đô thị thông minh (IOC) tỉnh đi vào hoạt động nhằm cung cấp cơ sở dữ liệu, thông tin tổng hợp chung và chi tiết về lĩnh vực chuyên môn của các sở, ban ngành và UBND các huyện, thành phố và các đơn vị. Triển khai đường truyền chuyên dùng kết nối từ Trung tâm THDL tỉnh đến các sở, ngành, 10 huyện, thành phố, 209 xã, phường, thị trấn và 10 văn phòng quản lý đất đai cấp huyện. Hệ thống Hội nghị họp trực tuyến đã triển khai từ tỉnh đến 10 huyện, thành phố và 100% xã, phường, thị trấn, và 21 điểm cầu của ngành giáo dục và 13 điểm cầu của ngành y tế.

Hoàn thành kết nối và chia sẻ dữ liệu dân cư giữa cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư với Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính tỉnh Bắc Giang. Tập trung xây dựng vận hành, khai thác giai đoạn 1 hệ thống camera giám sát an ninh theo Đề án 257 phục vụ công tác đảm bảo an ninh, trật tự. Đến nay, đã lắp đặt, kết nối 1092 camera trên phạm vi toàn tỉnh, 10/10 Trung tâm giám sát cấp huyện với Trung tâm lưu trữ, xử lý dữ liệu của tỉnh<sup>27</sup>.

#### 6.2.6. Hạ tầng xã hội

Hệ thống trường lớp được đầu tư theo hướng chuẩn hóa; đến hết năm, tỷ lệ trường đạt chuẩn quốc gia mức độ 1 đạt 94,9%; Tỷ lệ trường đạt chuẩn quốc gia mức độ 2 đạt 24,4%, đạt 100% kế hoạch; tỷ lệ kiên cố hoá trường lớp học đạt 96,4% (cao hơn 14,2% so với trung bình cả nước), bằng 98,87% kế hoạch. Hạ tầng văn hóa, thể thao cũng được quan tâm đầu tư, góp phần nâng cao đời sống tinh thần cho Nhân dân. Tỷ lệ các xã có đầy đủ thiết chế văn hóa, thể thao cấp thôn, xã đạt 87%, vượt 0,57% kế hoạch. Hệ thống y tế tiếp tục được tăng cường, đáp ứng tốt hơn yêu cầu phòng chống dịch bệnh và nhu cầu chăm sóc sức khỏe của Nhân dân.

Một số dự án hạ tầng xã hội đã hoàn thành đưa vào sử dụng như: đầu tư xây dựng mở rộng quy mô giường bệnh Bệnh viện Ung bướu, các Dự án ĐTXD mở rộng quy mô giường bệnh Trung tâm y tế huyện Việt Yên, Lục Ngạn, Yên Dũng, Dự án xây dựng cơ sở vật chất một số trường THPT, trường Phổ thông dân tộc nội trú trên địa bàn huyện Lục Ngạn, Lục Nam, Yên Dũng... Trong năm, đã tiến hành khởi công mới các dự án: Dự án Xây dựng Trung tâm văn hóa – Triển lãm tỉnh Bắc Giang, Dự án Đầu tư xây dựng mở rộng quy mô giường bệnh Trung tâm y tế huyện Lục Nam và huyện Sơn Động, Trung tâm kiểm soát bệnh tật tỉnh, dự án Xây dựng cơ sở vật chất một số trường THPT, Trung tâm GDTX-

<sup>27</sup> Công an các đơn vị, địa phương đã khai thác hình ảnh của hệ thống camera phục vụ công tác điều tra, xử lý 153 vụ việc vi phạm pháp luật hình sự, 52 vụ tai nạn giao thông, khai thác chức năng của hệ thống xử lý vi phạm về trật tự an toàn giao thông (phạt nguội) gần 12.000 trường hợp.

GDNN trên địa bàn huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang và địa bàn các huyện Lạng Giang, Yên Thế, tỉnh Bắc Giang...

### **6.3. Thu hút đầu tư và phát triển doanh nghiệp**

#### **6.3.1. Môi trường đầu tư, kinh doanh**

Sau nhiều nỗ lực và cố gắng, với sự chỉ đạo sát sao của Tỉnh ủy, HĐND tỉnh, UBND tỉnh từ việc xây dựng kế hoạch về cải thiện môi trường đầu tư, kinh doanh đến thực hiện cải cách hành chính, thường xuyên đối thoại, lắng nghe ý kiến phản ánh của người dân, doanh nghiệp để giải quyết kịp thời những vướng mắc, năm 2022, Bắc Giang đã vươn lên vị trí thứ 2 cả nước về xếp hạng chỉ số PCI<sup>28</sup>. Đã ban hành nhiều cơ chế, chính sách sửa đổi, bổ sung các quy định chưa phù hợp nhằm tháo gỡ bất cập, vướng mắc trong hoạt động sản xuất kinh doanh của các doanh nghiệp<sup>29</sup>. Các hoạt động xúc tiến đầu tư có nhiều đổi mới, xác định trọng tâm, trọng điểm vào các khu vực, đối tác lớn; tổ chức thành công Hội nghị “*Gặp mặt, đối thoại với cộng đồng doanh nghiệp tỉnh Bắc Giang*”; đã ký nhiều biên bản ghi nhớ với các doanh nghiệp lớn của Nhật Bản, Singapore.. nhằm thu hút và đẩy nhanh các hoạt động đầu tư.

#### **6.3.2. Kết quả thu hút đầu tư**

Thu hút đầu tư đạt kết quả vượt bậc, trong đó nổi bật là thu hút nguồn vốn FDI, không chỉ gia tăng mạnh về số lượng dự án và số vốn đầu tư mà làn sóng đầu tư từ các nước lớn tại khu vực Châu Á như Singapore, Nhật Bản và Hàn Quốc trong lĩnh vực công nghiệp phần mềm, chất bán dẫn càng khẳng định rõ nét những thay đổi đáng kể về chất trong thu hút vốn FDI vào Bắc Giang. Tính đến 31/12/2023, toàn tỉnh đã thu hút được trên 3,3 tỷ USD vốn đầu tư quy đổi, gấp gần 2 lần so với cùng kỳ, đạt kỷ lục từ trước đến nay. Trong đó, cấp mới 29 dự án trong nước, vốn đăng ký đạt 5.381 tỷ đồng (*không bao gồm các dự án khu đô thị, khu dân cư*), bằng 80% cùng kỳ năm 2022 và 97 dự án FDI với số vốn đăng ký đạt 1.539,5 triệu USD gấp 2,6 lần cùng kỳ và cao nhất từ trước đến nay; điều chỉnh tăng vốn cho 23 dự án đầu tư trong nước với số vốn đăng ký tăng thêm là 1.713 tỷ đồng, gấp gần 4 lần cùng kỳ và 63 dự án FDI với số vốn bổ sung đạt 1.482,68 triệu USD, gấp 1,7 lần cả năm 2022<sup>30</sup>. Vốn thực hiện của các dự án đầu tư trong nước ước đạt 8.300 tỷ đồng; các dự án FDI đạt khoảng 1.300 triệu USD.

Tính riêng thu hút đầu tư FDI, Bắc Giang xếp thứ 4 cả nước, sau các địa phương là Thành phố Hồ Chí Minh, Hải Phòng và Quảng Ninh. Các dự án FDI tập trung chủ yếu vào lĩnh vực sản xuất, gia công các sản phẩm linh kiện điện tử, may mặc, logistics.... Tính đến nay, có 30 quốc gia và lãnh thổ có dự án đầu tư trên địa bàn tỉnh; trong đó, Trung Quốc là nước đầu tư lớn nhất vào tỉnh với trên

<sup>28</sup> Theo Báo cáo PCI 2022, Chỉ số PCI của Bắc Giang đạt 72,8 điểm, tăng 8,06 điểm so với năm 2021 (64,74 điểm); xếp hạng 2/63 tỉnh thành, tăng 29 bậc so với năm 2021 (xếp hạng 31/63 tỉnh, thành).

<sup>29</sup> Quyết định số 36/2023/QĐ-UBND sửa đổi bổ sung một số điều của Quyết định số 11/2021/QĐ-UBND ngày 19/4/2021 và Quyết định số 35/2021/QĐ-UBND ngày 03/8/2021; chỉ đạo tháo gỡ khó khăn vướng mắc cho các dự án khai thác đất san lấp, các dự án điều chỉnh tiến độ do ảnh hưởng bởi đại dịch Covid-19...

<sup>30</sup> Lũy kế đến nay toàn tỉnh có 1.374 dự án đầu tư trong nước và **559 dự án FDI** với số vốn đăng ký lần lượt là 105.268,7 tỷ đồng và trên **11,14 tỷ USD**.

227 dự án, tổng số vốn khoảng 5,14 tỷ USD; kể đến là Hàn Quốc với gần 300 dự án và số vốn đăng ký đạt khoảng 2,1 tỷ USD.

### 6.3.3. Phát triển doanh nghiệp

UBND tỉnh luôn đồng hành cùng DN trong quá trình sản xuất kinh doanh; nhiều giải pháp được thực hiện như: tiếp tục tổ chức nhiều Hội nghị tiếp xúc đối thoại với các doanh nghiệp trên tất cả các lĩnh vực do các sở, ngành địa phương tổ chức; duy trì gặp mặt cả phê doanh nhân; đẩy mạnh các hoạt động hỗ trợ DN, khởi sự với trọng tâm là tiếp tục triển khai mô hình "5 tại chỗ" trong giải quyết TTHC, hỗ trợ chuyển đổi số cho DN; tư vấn các hồ sơ, thủ tục gắn với thực hiện giải quyết thủ tục hành chính qua dịch vụ công trực tuyến toàn trình...

Cả năm 2023, toàn tỉnh có 2.316 DN và 170 chi nhánh, văn phòng đại diện thành lập mới, tăng 35% so với năm 2022; tổng vốn đăng ký 31.318 tỷ đồng, tăng 5% so với năm 2022 (vốn đăng ký bình quân một DN thành lập mới đạt 13,5 tỷ đồng). Theo khu vực kinh tế, có 23 DN thành lập mới thuộc khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản, chiếm 1%; 1.529 DN thuộc khu vực công nghiệp và xây dựng, chiếm 66%, 764 DN thuộc khu vực dịch vụ chiếm 33%. Trong năm cũng đã có 501 DN quay trở lại hoạt động, bằng cùng kỳ. Tuy vậy, có 160 DN giải thể, 874 DN đăng ký tạm ngừng kinh doanh có thời hạn, tăng 36% so với năm 2022 và có 1.185 doanh nghiệp không hoạt động tại trụ sở đăng ký.

Hiện có khoảng 60% số DN hoạt động trên tổng số DN đăng ký. Trong đó, trên 42% DN hoạt động có hiệu quả, 40% DN hoạt động cầm chừng, 18% DN mới đăng ký, đang trong quá trình chuẩn bị các thủ tục gia nhập thị trường (số DN đang hoạt động có kết quả sản xuất kinh doanh đứng thứ 23 cả nước).

## 7. Công tác quản lý tài nguyên và môi trường

Thời gian qua, công tác quản lý Nhà nước về đất đai trên địa bàn tỉnh có nhiều chuyển biến tích cực, ngày càng có hiệu quả, từng bước đi vào nề nếp, theo đúng quy định của pháp luật. Từ đó góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội, giữ vững ổn định chính trị và trật tự an toàn xã hội trên địa bàn tỉnh. Việc thực hiện Chỉ thị số 19-CT/TU ngày 11/6/2020 và Kết luận số 120-KL/TU ngày 08/8/2021 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về tăng cường kiểm tra, thanh tra để xử lý các vi phạm trong quản lý và sử dụng đất đai đã được nỗ lực triển khai, đạt một số kết quả tích cực. Nhận thức, ý thức chấp hành pháp luật về đất đai của cán bộ, đảng viên và Nhân dân được nâng lên; các hành vi vi phạm đã được phát hiện và xử lý kịp thời; vi phạm mới phát sinh đã giảm đáng kể so với trước đây<sup>31</sup>.

Nhằm nâng cao hiệu quả công tác quản lý, tỉnh đã đẩy mạnh thực hiện phân cấp, ủy quyền trong lĩnh vực tài nguyên – môi trường<sup>32</sup>; tăng cường công tác đo đạc bản đồ và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho các tổ chức, cá nhân,

<sup>31</sup> Trong năm 2023, Chủ tịch UBND tỉnh và Sở Tài nguyên và Môi trường đã ban hành 05 quyết định xử phạt 05 tổ chức với tổng số tiền phạt là 923 triệu đồng, kiến nghị thu hồi 12 triệu đồng.

<sup>32</sup> UBND tỉnh ủy quyền cho UBND cấp huyện phê duyệt giá đất cụ thể, thu hồi đất nông nghiệp thuộc quỹ đất công ích của xã, phường, thị trấn theo Nghị Quyết số 73/NQ-CP ngày 06/5/2023 của Chính phủ; đồng thời ủy quyền cho UBND cấp huyện quyết định cấp phép khai thác khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường, ủy quyền cho Sở Tài nguyên và Môi trường thực hiện một số nội dung về lĩnh vực tài nguyên nước, tài nguyên khoáng sản trên địa bàn tỉnh.

hộ gia đình theo quy định, tháo gỡ khó khăn trong công tác bồi thường giải phóng mặt bằng, tạo điều kiện thuận lợi để triển khai các dự án đầu tư trên địa bàn.

Đối với công tác quản lý đất lâm nghiệp và quỹ đất công ích nông nghiệp do UBND cấp xã quản lý thường xuyên được Tỉnh ủy, UBND tỉnh quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo sâu sát, quyết liệt, kịp thời, do vậy, hầu hết diện tích đất đai của các công ty nông lâm nghiệp, các Ban Quản lý rừng đã được thiết lập hồ sơ và cấp giấy chứng nhận, cũng như nhiều địa phương đã thiết lập được hồ sơ, mở sổ theo dõi và cơ bản nắm được số thửa, diện tích đất công ích đang quản lý; nhiều hợp đồng thuê đất công ích đã được thanh lý, đưa quỹ đất về UBND cấp xã trực tiếp quản lý; một số hợp đồng thuê thầu đất công ích hết thời hạn, ký chưa đúng thẩm quyền đã được xử lý theo đúng quy định của pháp luật... Trong năm, Chủ tịch UBND tỉnh đã ban hành Chỉ thị số 11/UBND-TN ngày 31/8/2023 và Chỉ thị số 9/CT-UBND ngày 22/6/2023 nhằm tăng cường công tác quản lý đất lâm nghiệp và đất nông nghiệp công ích trên địa bàn tỉnh.

Công tác huy động toàn dân tập trung thu gom, xử lý triệt để rác thải ra môi trường theo Chỉ thị số 17-CT/TU, Kết luận số 99-KL/TU của Ban Thường vụ Tỉnh ủy được tập trung chỉ đạo, đạt kết quả khá tích cực; ý thức, trách nhiệm các tổ chức, cá nhân và cộng đồng dân cư trong việc thu gom, xử lý rác thải, phân loại rác có chuyển biến<sup>33</sup>. Tỷ lệ rác thải thu gom được xử lý toàn tỉnh đạt 94,4% (tương đương 887,6 tấn/ngày), tăng 1,4% so với năm 2022, vượt 0,9% kế hoạch (trong đó, tỷ lệ chất thải rắn thu gom được xử lý hợp vệ sinh đạt 85,7%, vượt 3,6% kế hoạch). Các dự án Nhà máy xử lý rác thải tập trung của tỉnh đang tiếp tục triển khai các bước đầu tư xây dựng<sup>34</sup>; duy trì vận hành thường xuyên và hiệu quả các khu xử lý, lò đốt rác; chú trọng và nâng cao năng lực hoạt động có hiệu quả của các đơn vị chuyên trách thu gom, vận chuyển, xử lý rác thải; thực hiện xử lý nghiêm các tổ chức vi phạm pháp luật về môi trường, trong năm đã xử lý 07 tổ chức với số tiền xử lý khoảng 3,39 tỷ đồng.

Vấn đề nước sạch được quan tâm, nhất là ở các khu vực nông thôn, qua đó nâng tỉ lệ người dân nông thôn được dùng nước sạch, nước hợp vệ sinh, cải thiện điều kiện sống, nâng cao sức khỏe và đảm bảo an sinh xã hội<sup>35</sup>. Công tác quản lý khoáng sản, tài nguyên nước cũng được chú trọng. UBND tỉnh đã ban hành Kế hoạch đấu giá quyền khai thác khoáng sản năm 2024 và tổ chức đấu giá quyền khai thác khoáng sản làm vật liệu xây dựng phục vụ nhu cầu trên địa bàn tỉnh. Triển khai xây dựng quy định phân vùng các nguồn tiếp nhận nước thải trên địa bàn tỉnh. Tiếp nhận, quản lý, vận hành hệ thống tiếp nhận dữ liệu quan trắc môi trường tự động.

## II. LĨNH VỰC VĂN HOÁ - XÃ HỘI

<sup>33</sup> Toàn tỉnh duy trì 171 công ty, hợp tác xã, tổ vệ sinh môi trường chuyên trách thu gom, vận chuyển, xử lý rác thải cho 100% xã, phường, thị trấn; 100% xã, phường, thị trấn duy trì các khu thu gom, xử lý rác thải tập trung, vận hành tổng số 77 lò đốt công nghệ. Ngoài ra, toàn tỉnh có 66 cơ sở xử lý chất thải rắn sinh hoạt trong đó có 03 bãi chôn lấp chất thải rắn sinh hoạt hợp vệ sinh (huyện Việt Yên, Yên Thế và thành phố Bắc Giang); đưa vào hoạt động các lò đốt lấp đặt theo Nghị quyết số 06/2020/NQHĐND của HĐND tỉnh (01 lò đốt tại xã Quế Nham, huyện Tân Yên và 03 lò đốt tại huyện Lục Nam: Xã Bình Sơn, Cẩm Lý, Đông Phú).

<sup>34</sup> Nhà máy rác phát điện Đa Mai; Nhà máy xử lý rác Lan Mẫu, Nhà máy xử lý rác Đông Lễ.

<sup>35</sup> Tỷ lệ dân số được dùng nước sạch đạt quy chuẩn QC01 trở lên năm 2023 đạt 63,7%, tương đương cùng kỳ năm 2022, trong đó tỷ lệ dân số thành thị chiếm 93,1%, tỷ lệ dân số nông thôn chiếm 56,5%.

## 1. Y tế; chăm sóc sức khỏe Nhân dân

Triển khai công tác phòng, chống dịch bệnh Covid-19 theo hướng quản lý bền vững, chuyển phân loại từ bệnh truyền nhiễm nhóm A sang nhóm B, trong đó duy trì tiêm vắc xin phòng Covid-19 đối với trẻ em từ 12 tuổi đến dưới 18 tuổi và người từ 18 tuổi trở lên tỷ lệ tiêm đến mũi 3 và mũi 4 đạt 100%. Đồng thời, tiếp tục củng cố hệ thống tiêm chủng mở rộng để duy trì tỷ lệ tiêm chủng đầy đủ 08 loại vắc xin cơ bản cho trẻ em.

Chỉ đạo tập trung tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong quá trình đầu thầu, mua sắm thuốc, trang thiết bị, vật tư y tế; triển khai Nghị định số 07/2023/NĐ-CP ngày 03/3/2023 của Chính phủ và Nghị quyết số 30/NQ-CP ngày 04/3/2023 của Chính phủ và các văn bản quy phạm pháp luật kịp thời đến các cơ sở y tế. Củng cố hệ thống y tế, đào tạo và phát triển nhân lực y tế. Tiếp tục tập trung nguồn lực đầu tư cơ sở vật chất cho ngành y tế, nhất là phát triển, nâng cao chất lượng dịch vụ tại Trung tâm Y tế các huyện, thành phố và trạm y tế tuyến xã<sup>36</sup>. Chú trọng công tác đào tạo và phát triển nhân lực y tế; tính đến hết năm 2023, số bác sĩ/10.000 dân đạt 12,2 bác sĩ (*kế hoạch cả nước 12 bác sĩ*); số dược sĩ đại học/10.000 dân đạt 2,2 dược sĩ; tỷ lệ trạm y tế xã/phường/thị trấn có bác sĩ đạt 100%.

Công tác phát triển kỹ thuật mới được các cơ sở khám chữa bệnh trong toàn tỉnh triển khai thực hiện, đặc biệt là những kỹ thuật cao, hiện đại. Chất lượng khám, chữa bệnh, chăm sóc sức khỏe cho Nhân dân được cải thiện ở tất cả các tuyến. Số giường bệnh/vạn dân đạt 32,5 giường (*kế hoạch cả nước 32 giường*). Công suất sử dụng giường bệnh trung bình toàn tỉnh là 102,1%, tăng 12,7% so với năm 2022. Công tác phòng chống dịch bệnh khác và đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm được tăng cường, có chuyển biến tích cực<sup>37</sup>; trong năm trên địa bàn tỉnh không xảy ra ngộ độc thực phẩm lớn.

## 2. Giáo dục và đào tạo

Các hoạt động giáo dục được triển khai chủ động, linh hoạt, phù hợp với thực tiễn. Tỉnh đã ban hành một số chính sách phát triển giáo dục quan trọng<sup>38</sup>. Tổ chức tốt kỳ thi tốt nghiệp trung học phổ thông, kỳ thi chọn học sinh giỏi văn hóa cấp tỉnh và khai giảng năm học mới 2023 – 2024. Chất lượng giáo dục mũi nhọn và toàn diện được nâng lên. Tỷ lệ đỗ tốt nghiệp THPT đạt 99,58 %, tăng 0,16% so với năm 2022. Kết quả thi học sinh giỏi quốc gia và quốc tế năm học 2022-2023 có tiến bộ rõ nét, đứng thứ 8 cả nước về số giải Nhất và đứng thứ 12 cả nước về số lượng giải với 59 giải<sup>39</sup>. Đặc biệt, tỉnh có 8 học sinh được dự thi

<sup>36</sup> Phê duyệt mới và bổ sung 6.583 kỹ thuật cho các đơn vị (trong đó, công lập: 448 kỹ thuật; tư nhân: 6.135 kỹ thuật); cho phép áp dụng thí điểm, chính thức 113 kỹ thuật mới tại các đơn vị....

<sup>37</sup> Trong năm 2023, ngành y tế đã tiến hành thanh tra, kiểm tra, hậu kiểm 4.654 cơ sở thực phẩm (đạt 130% kế hoạch), tỷ lệ cơ sở đạt yêu cầu về ATTP là 91,7%. Phát hiện 387 cơ sở có vi phạm về ATTP, xử phạt 86 cơ sở với số tiền 368,3 triệu đồng.

<sup>38</sup> Nghị quyết số 39/2023/NQ-HĐND ngày 14/7/2023 Quy định một số chính sách hỗ trợ học sinh Trường THPT Chuyên Bắc Giang; giáo viên... Nghị quyết số 40/2023/NQ-HĐND ngày 14/7/2023 Quy định mức thu học phí và mức thu, cơ chế sử dụng các khoản thu dịch vụ phục vụ hỗ trợ hoạt động giáo dục từ năm học 2023-2024 và các năm học tiếp theo tại các cơ sở giáo dục mầm non, phổ thông và giáo dục thường xuyên công lập trên địa bàn tỉnh Bắc Giang.

<sup>39</sup> Có 4 giải Nhất, 14 giải Nhì, 16 giải Ba và 25 giải Khuyến khích.



vòng 2 và 03 học sinh được tham dự các kỳ thi khu vực và quốc tế và cả 03 học sinh đều đoạt giải<sup>40</sup>

Công tác phát triển, nâng cao chất lượng đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục được quan tâm. Tập trung rà soát, sắp xếp, tuyển dụng mới đội ngũ đảm bảo đủ tỷ lệ và cân đối về cơ cấu bộ môn. Chất lượng đội ngũ không ngừng được tăng lên, cán bộ quản lý, giáo viên đạt chuẩn và trên chuẩn về trình độ đào tạo chiếm tỷ lệ cao<sup>41</sup>. Các điều kiện đảm bảo chất lượng giáo dục được tăng cường đầu tư; tập trung rà soát, nghiên cứu phương án triển khai mở rộng, tăng quy mô trường, lớp các trường THPT; chú trọng xây dựng cơ sở vật chất trường, lớp học; sửa chữa, mua sắm trang thiết bị, đồ dùng dạy học.

### 3. Công tác văn hóa, thể thao

Các hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể thao, tuyên truyền được thực hiện hiệu quả, nhiều hoạt động gắn với chào mừng các ngày lễ lớn, các thành tựu nổi bật trong phát triển KTXH được tổ chức quy mô, thu hút đông đảo người dân tham gia<sup>42</sup>. Đặc biệt đã tổ chức thành công “*Tuần Văn hóa - Du lịch 2023*” và hàng loạt các hoạt động nhân dịp “*Kỷ niệm 60 năm Bác Hồ về thăm và chỉ đạo Đại hội Đảng bộ tỉnh*” với sự tham dự của các đồng chí Lãnh đạo Đảng, Nhà nước... tạo ấn tượng sâu sắc đối với Nhân dân và du khách trong và ngoài tỉnh. Công tác xây dựng nếp sống văn hóa và gia đình được triển khai rộng khắp, trong đó tập trung thực hiện phong trào toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa và Công tác gia đình năm 2023 đạt kết quả tích cực<sup>43</sup>. Các chỉ tiêu về văn hóa đều đạt kế hoạch đề ra; Tỷ lệ phường, thị trấn đạt chuẩn văn minh đô thị đạt 100% kế hoạch; tỷ lệ làng, bản, tổ dân phố đạt tiêu chuẩn văn hoá đạt 81,5%, đạt 100% kế hoạch.

Công tác bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn hóa vật thể và phi vật thể luôn được quan tâm, góp phần bảo vệ, lưu giữ các giá trị văn hóa của tỉnh. UBND tỉnh quyết định xếp hạng cấp tỉnh cho 05 di tích; hỗ trợ tu bổ 23 di tích. Lễ rước Mộc bản “*Cư trần lạc đạo phú*”; tổ chức Lễ trao tặng danh hiệu “*Nghệ nhân nhân dân*”, “*Nghệ nhân ưu tú*” trong lĩnh vực di sản văn hóa phi vật thể năm 2023. Đặc biệt, Lễ hội Xương Giang được đưa vào Danh mục di sản văn hóa phi vật thể quốc gia; phối hợp với tỉnh Quảng Ninh, Hải Dương hoàn thiện hồ sơ khoa học Quần thể di tích và danh thắng Yên Tử - Vĩnh Nghiêm - Côn Sơn, Kiếp Bạc là di sản thế giới.

Các hoạt động thể dục thể thao đạt nhiều kết quả tích cực. Đã đăng cai tổ chức thành công 06 giải vô địch Quốc gia năm 2023 tại tỉnh; chỉ đạo tổ chức tổ

<sup>40</sup> 01 Huy chương Bạc Olympic Hóa học Quốc tế Al-Beruniy, 01 Huy chương Đồng Olympic Vật lý khu vực châu Á và 01 Huy chương Bạc Olympic Vật lý Châu Âu.

<sup>41</sup> Năm 2023, toàn tỉnh tuyển dụng mới 686 chỉ tiêu giáo viên. Toàn ngành có 03 tiến sĩ, 02 nghiên cứu sinh, 887 thạc sĩ. Tỷ lệ CBQL, GV có trình độ đào tạo đạt chuẩn các bậc học: Mầm non 91,9% CBQL, GV đạt chuẩn trở lên (trên chuẩn 61,3%); Tiểu học 77,19% CBQL, GV đạt chuẩn trở lên (trên chuẩn 0,35%); THCS 91,47% CBQL, GV đạt chuẩn trở lên (trên chuẩn 1,95%); THPT có 100% CBQL, GV đạt chuẩn trở lên (trên chuẩn 21,5%).

<sup>42</sup> Như: Chương trình nghệ thuật “*Mừng Đảng quang vinh, mừng Xuân Quý Mão 2023*”; chương trình nghệ thuật Đêm nhạc phật “*Vĩnh Nghiêm - Hào quang trí huệ*”; Liên hoan hát Văn, hát Châu văn tỉnh...

<sup>43</sup> Tổ chức thành công hội thi “*Trường thôn, tổ dân phố thân thiện, tài năng*”; tổ chức 02 lớp tập huấn về thực hiện phong trào và công tác gia đình tại huyện Tân Yên, Lục Ngạn cho trên 850 đại biểu tham dự.

chức 18/20 giải thể thao cấp tỉnh, trên 130 giải TDTT cấp huyện, thành phố, ngành và khoảng 1.700 giải thể thao phường, xã, thị trấn. Phong trào TDTT quần chúng được duy trì, có khoảng 37,5% số người tập TDTT thường xuyên; khoảng 55.700 gia đình thể thao; 2.708 CLB thể thao. Thể thao thành tích cao của tỉnh tiếp tục duy trì và phát triển, trong đó tham gia thi đấu 43 giải quốc gia, quốc tế, giành được 295 Huy chương các loại<sup>44</sup>. Đặc biệt tham dự Đại hội Thể thao Đông Nam Á lần thứ 32 (SEA Games 32), Thể thao Bắc Giang có 02 HLV, 06 VĐV; các vận động viên Bắc Giang đã đóng góp vào thành tích chung của Đoàn thể thao Việt Nam với tổng số 07 huy chương các loại<sup>45</sup>.

#### **4. Công tác thông tin truyền thông**

Thông tin, truyền thông có nhiều đổi mới; đấu tranh ngăn chặn, phản bác kịp thời thông tin giả, xấu, độc, triển khai sâu rộng, có hiệu quả Chỉ thị số 21-CT/TU ngày 16/01/2023 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về nâng cao ý thức trách nhiệm của cấp ủy, chính quyền và cán bộ, đảng viên, công chức, viên chức, chiến sỹ lực lượng vũ trang trong việc sử dụng Internet, mạng xã hội. Các cơ quan báo chí đã làm tốt công tác tuyên truyền, vận động Nhân dân tham gia thực hiện chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của nhà nước, phản ánh các thành tựu nổi bật phát triển KTXH năm 2022 và triển khai nhiệm vụ năm 2023; thông tin về các sự kiện quan trọng của tỉnh. Thông tin kịp thời, khách quan tình hình thời sự, các sự kiện chính trị của đất nước và của tỉnh, kết quả thu hút đầu tư, phát triển KTXH, cải cách hành chính của tỉnh.

UBND tỉnh đã chủ động đề nghị và tạo điều kiện để Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị - xã hội thực hiện tốt vai trò giám sát, phản biện xã hội và đạt được nhiều kết quả tích cực; đồng thời góp phần thực hiện hiệu quả các nhiệm vụ phát triển KTXH, đảm bảo quốc phòng an ninh trên địa bàn tỉnh. Phong trào thi đua yêu nước đã chuyển biến tích cực và đi vào chiều sâu, công tác tuyên truyền, phổ biến và nhân rộng các điển hình tiên tiến ngày càng được quan tâm đã tạo ra không khí phấn khởi, hăng hái thi đua trên tất cả các lĩnh vực. Kịp thời tuyên truyền, biểu dương, nhân rộng điển hình tiên tiến. Trong đó đã tổ chức Lễ tôn vinh danh hiệu “*Công dân ưu tú năm 2023*” cho 10 Công dân ưu tú.

#### **5. Tình hình đời sống Nhân dân, lao động, việc làm**

Công tác an sinh xã hội được triển khai thiết thực, kịp thời, hiệu quả góp phần ổn định lòng dân, thu hút người lao động quay trở lại yên tâm làm việc, đóng góp vào phục hồi và phát triển kinh tế trong bối cảnh khó khăn sau đại dịch Covid-19. Các hoạt động kỷ niệm 76 năm ngày Thương binh - Liệt sỹ được tổ chức chu đáo, trang trọng, ý nghĩa<sup>46</sup>. Các chính sách dân tộc, tôn giáo, chăm sóc người cao tuổi, bảo vệ trẻ em, vì sự tiến bộ của phụ nữ, bình đẳng giới được quan tâm chỉ đạo. Giảm nghèo bền vững được chú trọng; tỷ lệ hộ nghèo toàn

<sup>44</sup> Trong đó có 56 HCV, 74 HCB, 165 HCD), có 37 lượt VĐV đạt kiện tướng, 76 lượt VĐV đạt cấp 1 quốc gia. Tại Giải vô địch điền kinh Châu Á 2023, VĐV Điền kinh Nguyễn Thị Oanh được Đội tuyển Việt Nam cử tham gia thi đấu và giành tám HCV ở nội dung 1500m.

<sup>45</sup> 5 HCV, 01 HCB, 1 HCD), đặc biệt VĐV Điền kinh Nguyễn Thị Oanh giành 04 HCV, trong đó có 02 HCV giành được cách nhau chưa đầy 30 phút.

<sup>46</sup> Toàn tỉnh đã cấp 90.507 suất quà (tặng 11.398 suất) theo quy định với tổng kinh phí trên 40,6 tỷ đồng.

tỉnh (theo chuẩn mới 2021-2025) giảm 1,18% xuống còn 2,63%; trong đó tỷ lệ hộ nghèo các xã đặc biệt khó khăn giảm 13,4%, xuống còn 13,6%.

Công tác quản lý nhà nước về lao động và giải quyết việc làm được tập trung chỉ đạo đạt hiệu quả. Chính sách hỗ trợ tiền thuê nhà cho người lao động cũng được triển khai tích cực, hỗ trợ người công nhân an tâm sản xuất. Cả năm 2023, toàn tỉnh tạo việc làm mới cho 33.000 lao động, vượt 1,5% kế hoạch; trong đó, xuất khẩu lao động là 2.000 người, vượt 21,2% kế hoạch. Toàn tỉnh hiện có hơn 1,01 triệu lao động đang làm việc trong nền kinh tế (*đứng thứ 12 cả nước*); cơ cấu lao động tiếp tục chuyển dịch mạnh từ lĩnh vực nông, lâm nghiệp và thủy sản sang lĩnh vực công nghiệp – xây dựng và dịch vụ<sup>47</sup>.

Công tác dạy nghề được quan tâm, đáp ứng ngày càng tốt hơn nhu cầu thị trường lao động. Thực hiện rà soát, sắp xếp lại các cơ sở giáo dục nghề nghiệp trên địa bàn nhằm nâng cao chất lượng; tổng số cơ sở giáo dục nghề nghiệp, cơ sở hoạt động giáo dục nghề nghiệp trên toàn tỉnh là 34 cơ sở, giảm 02 cơ sở so với năm 2022<sup>48</sup>. Các cơ sở đã tuyển sinh được 29.000 người<sup>49</sup>, đạt 100% kế hoạch; Tỷ lệ lao động qua đào tạo so với tổng số lao động đạt 76%; tỷ lệ lao động qua đào tạo có văn bằng, chứng chỉ công nhận kết quả đào tạo đạt 33%, đạt 100% kế hoạch.

Công tác phát triển đối tượng tham gia bảo hiểm xã hội (BHXH), bảo hiểm y tế (BHYT) đạt kết quả tích cực. Các cơ quan chức năng tiếp tục thực hiện các biện pháp tháo gỡ khó khăn cho DN do tác động của dịch COVID-19; giải quyết chế độ BHXH, BHYT được thực hiện kịp thời, đúng quy định đảm bảo quyền lợi của người lao động<sup>50</sup>. Đến hết năm, tỷ lệ người dân có thể BHYT đạt 99,26% đạt 100% kế hoạch (*cả nước 92%*); số người tham gia BHXH bắt buộc (lũy kế) đạt trên 364,9 nghìn người đạt 100% kế hoạch; số người tham gia BHXH tự nguyện đạt 52,1 nghìn người, tăng 11.041 người, đạt 100% kế hoạch; tỷ lệ lực lượng lao động trong độ tuổi tham gia BHXH đạt 42,8%, vượt 4,75% kế hoạch.

## 6. Khoa học và công nghệ

Lĩnh vực khoa học và công nghệ được chú trọng. Tập trung triển khai thực hiện các chủ trương, chính sách chủ động tham gia vào phát triển nền kinh tế số, trí tuệ nhân tạo. Nhiều đề án, kế hoạch được ban hành như: Đề án thúc đẩy chuyển giao, làm chủ và phát triển công nghệ từ nước ngoài vào Việt Nam trong các ngành, lĩnh vực ưu tiên giai đoạn đến năm 2025, định hướng đến năm 2030 trên địa bàn tỉnh Bắc Giang; Kế hoạch triển khai thực hiện Chiến lược quốc gia về nghiên cứu, phát triển và ứng dụng trí tuệ nhân tạo đến năm 2030 trên địa bàn tỉnh Bắc Giang. Tổ chức thành công Cuộc thi Khởi nghiệp đổi mới sáng tạo tỉnh

<sup>47</sup> Lao động trong ngành công nghiệp xây dựng chiếm 44,2%, tăng 2,3% so với năm 2022; ngành dịch vụ chiếm 30,6%, tăng 1,6% và ngành nông, lâm nghiệp thủy sản chiếm 25,2%, giảm 3,8%

<sup>48</sup> Trong đó: 05 trường cao đẳng; 06 trường trung cấp; 14 trung tâm GDNN và 09 cơ sở hoạt động GDNN. Giảm 02 cơ sở là Hợp tác xã Tiểu thủ công nghiệp thương binh xã Việt Lập và Công ty TNHH Thương mại dịch vụ và Đào tạo Á Đông.

<sup>49</sup> Trong đó: Cao đẳng 1.665 người, đạt 191,4% kế hoạch năm; Trung cấp 4.859 người, đạt 170,5% kế hoạch năm; Sơ cấp và đào tạo dưới 3 tháng 22.476 người, đạt 88,9% kế hoạch năm).

<sup>50</sup> Tính đến 31/12/2023, toàn tỉnh giải quyết 156.622 lượt người hưởng (tăng 21.552 lượt so với cùng kỳ) các chế độ BHXH đảm bảo kịp thời, chính xác, đúng quy định.

Bắc Giang năm 2023 và Ngày hội khởi nghiệp sáng tạo tỉnh Bắc Giang năm 2023 (Techfest Bắc Giang 2023).

Công tác quản lý các đề tài, dự án cấp tỉnh và cấp quốc gia được thực hiện ngày càng chặt chẽ và đi vào nề nếp<sup>51</sup>. Các hoạt động nghiên cứu, ứng dụng, chuyển giao khoa học kỹ thuật được quan tâm; chất lượng đề tài, dự án hiệu quả, phù hợp với điều kiện thực tiễn ở địa phương. Công tác hướng dẫn, quản lý, bảo hộ nhãn hiệu hàng hóa được triển khai thực hiện có hiệu quả. Công tác quản lý nhà nước về tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng, kiểm định, kiểm nghiệm hàng hóa; quản lý công nghệ, sở hữu trí tuệ, an toàn bức xạ hạt nhân...được tăng cường chỉ đạo có hiệu quả góp phần vào mục tiêu phát triển kinh tế- xã hội chung của tỉnh.

Công tác thẩm định công nghệ và đánh giá tác động môi trường các dự án đầu tư được chú trọng, đặc biệt quan tâm đến các dự án đầu tư có sử dụng công nghệ thuộc danh mục công nghệ cấm chuyển giao và hạn chế chuyển giao theo quy định của pháp luật; các dự án đầu tư sản xuất công nghiệp. Đã cấp chứng nhận chuyển giao công nghệ cho 04 DN, tăng 03 DN so với năm 2022; hỗ trợ tư vấn phát triển DN khoa học và công nghệ cho 02 DN.

### III. LĨNH VỰC NỘI CHÍNH

#### 1. Công tác cải cách hành chính, xây dựng chính quyền

Công tác cải cách hành chính tiếp tục được triển khai và tổ chức thực hiện có hiệu quả gắn với đẩy mạnh xây dựng chính quyền điện tử, hướng tới chính quyền số. Chỉ số cải cách hành chính (PAR Index) đạt 88,54/100 điểm xếp thứ 4/63 tỉnh, thành phố (tăng 3 bậc so với năm 2021), xếp thứ nhất trong 14 tỉnh trung du miền núi phía Bắc. Thủ tục hành chính thường xuyên được rà soát; kịp thời bãi bỏ những thủ tục rườm rà; cơ chế một cửa, một cửa điện tử hiện đại liên thông được nhân rộng và duy trì thực hiện tốt góp phần công khai hoá, minh bạch hoá các quy định về thủ tục hành chính, giảm phiền hà, thời gian chờ đợi cho người dân và tổ chức<sup>52</sup>. Chỉ số chuyển đổi số cấp tỉnh (DTI) đứng thứ 9 cả nước, tăng 01 bậc so với năm 2021<sup>53</sup>.

Đã chỉ đạo triển khai mô hình “Chính quyền thân thiện” đến 100% xã, phường, thị trấn trong toàn tỉnh; hoàn thiện hồ sơ trình Chính phủ xem xét trình Ủy ban Thường vụ quốc hội phê duyệt Đề án “Thành lập thị xã Việt Yên thuộc tỉnh Bắc Giang và thành lập các phường thuộc thị xã Việt Yên” và Đề án sắp xếp lại đơn vị hành chính cấp huyện và phát triển đô thị trên địa bàn tỉnh Bắc Giang giai đoạn 2022-2025.

Công tác thanh tra, kiểm tra công vụ được thực hiện nghiêm túc, đã tạo bước chuyển biến mới về ý thức tổ chức kỷ luật, kỷ cương trong thực thi nhiệm

<sup>51</sup> Năm 2023, trên địa bàn tỉnh có 12 đề tài, dự án cấp tỉnh và 25 nhiệm vụ KHCN cấp cơ sở.

<sup>52</sup> Đến nay, 25/25 dịch vụ công thiết yếu được tích hợp lên Cổng dịch vụ công quốc gia. Tổng số hồ sơ dịch vụ công thiết yếu đã tiếp nhận: 503.788 trường hợp (trong đó nộp trực tuyến 46.7113 trường hợp đạt 92,72%). Tỷ lệ dịch vụ công trực tuyến đủ điều kiện, có phát sinh hồ sơ đạt 50,49%. Kết quả xử lý hồ sơ đúng hạn đạt 88,61%; số lượng tài khoản Cổng dịch vụ công quốc gia được xác thực với CSDL quốc gia về dân cư đạt 100% (xếp hạng tỉnh/thành phố là 5/63).

<sup>53</sup> Là năm thứ 3 liên tiếp Bắc Giang đứng Top 10 tỉnh, thành dẫn đầu về chỉ số DTI, vượt mục tiêu Nghị quyết 111-NQ/TU.

vụ. Ngoài ra, Ban Thường vụ Tỉnh ủy, UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh ban hành một số văn bản chỉ đạo nâng cao trách nhiệm trong thực thi công vụ như: Chỉ thị số 26-CT/TU ngày 02/6/2023 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy, văn bản số 5977/UBND-NC ngày 18/10/2023 của Chủ tịch UBND tỉnh. Thêm vào đó, công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ ngày càng được quan tâm, từ đó, chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức các cấp, nhất là cấp xã ngày càng được nâng lên<sup>54</sup>.

## **2. Công tác tư pháp, thi hành án dân sự**

Công tác xây dựng thể chế, chính sách của tỉnh được quan tâm chỉ đạo. Thường trực HĐND, UBND, Ủy ban MTTQ, Đoàn Đại biểu quốc hội, Ban Chỉ đạo Cải cách tư pháp tỉnh ký kết quy chế phối hợp trong công tác xây dựng pháp luật và giám sát việc thi hành pháp luật; Chủ tịch UBND tỉnh ban hành Chỉ thị về nâng cao chất lượng công tác xây dựng, hoàn thiện hệ thống pháp luật và tăng cường hiệu quả thi hành pháp luật. Các văn bản hành chính, quy phạm pháp luật được xây dựng theo đúng trình tự, thủ tục<sup>55</sup>. Chất lượng thẩm định, tham gia ý kiến vào dự thảo văn bản tiếp tục được nâng lên, qua đó góp phần tích cực vào việc đảm bảo tính hợp hiến, hợp pháp, tính thống nhất, đồng bộ, khả thi của các văn bản QPPL do HĐND, UBND tỉnh ban hành.

Công tác kiểm tra, rà soát văn bản QPPL được tăng cường. Thực hiện rà soát văn bản QPPL do HĐND, UBND tỉnh ban hành theo 05 chuyên đề, lĩnh vực; rà soát, đề xuất hoàn thiện các quy định pháp luật liên quan đến việc sử dụng Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư phục vụ thực hiện các thủ tục hành chính trên môi trường điện tử và phát triển KTXH. Công tác tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật được tăng cường thực hiện có hiệu quả; nhận thức và ý thức tuân thủ, chấp hành pháp luật của người dân đã được nâng lên. Các hoạt động hỗ trợ pháp lý cho DN tiếp tục được quan tâm; Chủ tịch UBND tỉnh ban hành Quy chế Công tác viên kiểm tra văn bản tỉnh Bắc Giang.

Công tác thi hành án dân sự được triển khai kịp thời, theo đúng quy định của pháp luật. Mặc dù khối lượng công việc phát sinh lớn, phát sinh nhiều vụ khó khăn, phức tạp, yêu cầu nhiệm vụ cao song vẫn đạt kết quả tích cực. Năm 2023, có 14.198 việc (tăng 519 việc), tương ứng với số tiền trên 2.313 tỷ đồng phải tổ chức thi hành án; trong đó có 12.092 vụ việc có điều kiện thi hành, tăng 16,3%, với số tiền trên 1.241 tỷ đồng, tăng 19,71%; đã thi hành xong 9.458 vụ việc, đạt tỷ lệ 78,2% giảm 11,6% so với năm 2022; tổng số tiền đã thi hành xong trên 513 tỷ đồng, đạt tỉ lệ 41,4%, cao hơn 25,6% so với năm 2022.

## **3. Công tác thanh tra, phòng chống tham nhũng**

Công tác thanh tra được quan tâm theo định hướng của Thanh tra Chính

<sup>54</sup> Tổ chức bồi dưỡng 50 lớp với 4.991 học viên, trong đó: Bồi dưỡng theo tiêu chuẩn chức vụ lãnh đạo, quản lý cho cán bộ đương chức và quy hoạch các chức danh lãnh đạo cấp phòng và tương đương (05 lớp, 425 học viên); Bồi dưỡng cập nhật kiến thức quản lý nhà nước theo vị trí việc làm (27 lớp, 2.875 học viên); bồi dưỡng kiến thức, kỹ năng lãnh đạo quản lý cho Chủ tịch, Phó Chủ tịch HĐND cấp xã (04 lớp, 391 học viên); Bồi dưỡng cập nhật kiến thức, kỹ năng, chuyên môn nghiệp vụ cho công chức cấp xã (12 lớp, 1.200 học viên); tổ chức lớp Đại học văn hóa Tiểu học (90 học viên).

<sup>55</sup> Ngành Tư pháp đã tham gia ý kiến vào 225 lượt dự thảo văn bản (tăng 33 văn bản); thẩm định 63 dự thảo văn bản QPPL của tỉnh và 07 dự thảo đề nghị xây dựng Nghị quyết (tăng 06 văn bản); hoàn thiện 27 dự thảo văn bản QPPL (tăng 06 văn bản); hoàn thành biên tập cuốn “Tập hợp các văn bản QPPL do HĐND, UBND tỉnh ban hành năm 2022”.

phủ và chỉ đạo của Tỉnh ủy. Hoạt động thanh tra chuyên ngành được tăng cường, tập trung vào những vấn đề bức xúc mà dư luận đang quan tâm. Qua thanh tra, đã phát hiện, xử lý nhiều vi phạm pháp luật, đồng thời kiến nghị thu hồi, xử lý sai phạm, xử lý hành chính các tập thể, cá nhân. Toàn tỉnh đã tiến hành triển khai 143 cuộc thanh tra hành chính trên các lĩnh vực quản lý nhà nước, quản lý KTXH tại 331 đơn vị; 223 cuộc thanh tra, kiểm tra chuyên ngành đối với 1.124 tổ chức, cá nhân<sup>56</sup>.

Công tác phòng chống tham nhũng đã được các cấp, các ngành triển khai thực hiện với nhiều giải pháp đồng bộ, quyết liệt, đạt được nhiều kết quả tích cực. Việc tuyên truyền, giáo dục về phòng chống tham nhũng được quan tâm triển khai thực hiện thường xuyên, với nhiều hình thức phong phú. Hệ thống các văn bản quản lý, các cơ chế chính sách ngày càng được hoàn thiện theo hướng chặt chẽ hơn. Công tác thanh tra, kiểm tra nhằm phòng ngừa tham nhũng đã được đổi mới; trách nhiệm người đứng đầu trong việc thực hiện pháp luật thanh tra, khiếu nại tố cáo và phòng chống tham nhũng được tăng cường.

#### **4. Công tác tiếp dân, giải quyết đơn thư khiếu nại tố cáo**

Công tác tiếp công dân, giải quyết khiếu nại tố cáo (KNTC) được quan tâm với nhiều biện pháp chỉ đạo quyết liệt. Người đứng đầu cấp ủy, chính quyền các cấp đã quan tâm thực hiện công tác tiếp công dân, giải quyết KNTC theo quy định, đạt một số kết quả tích cực, góp phần bảo đảm ổn định tình hình, thực hiện tốt các nhiệm vụ chính trị của địa phương, cơ quan, đơn vị. Chất lượng tham mưu, giải quyết vụ việc của các sở, ngành, địa phương được nâng lên; công tác hòa giải, đối thoại với công dân được chú trọng. Trong năm 2023, trên địa bàn tỉnh không phát sinh “điểm nóng” về khiếu kiện; hầu hết các vụ việc phát sinh đã được tiếp nhận, xử lý theo quy định và xem xét, giải quyết kịp thời<sup>57</sup>; một số vụ việc phức tạp, kéo dài đã được xử lý, giải quyết dứt điểm<sup>58</sup>.

#### **5. Công tác quốc phòng, an ninh, đối ngoại**

Công tác quốc phòng, an ninh được triển khai đồng bộ, toàn diện. Tổ chức Hội nghị tổng kết 10 năm thực hiện Nghị quyết Trung ương 8 (khóa XI) về “Chiến lược bảo vệ Tổ quốc trong tình hình mới”. Đặc biệt, đã làm tốt công tác chỉ đạo, chuẩn bị các điều kiện tổ chức thành công Diễn tập Khu vực phòng thủ tỉnh, diễn tập khu vực phòng thủ thành phố Bắc Giang và huyện Việt Yên, đảm bảo an toàn, được đánh giá cao. An ninh chính trị, trật tự, an toàn xã hội được giữ vững, ổn định; kiềm chế, kéo giảm tội phạm, đấu tranh quyết liệt với tội phạm “tín dụng đen”, băng ổ nhóm, điểm, tụ điểm phức tạp về ma túy; đảm bảo

<sup>56</sup> Qua thanh tra phát hiện sai phạm với tổng số tiền 53.358 triệu đồng, 189m<sup>2</sup> đất; trong đó yêu cầu thu hồi về ngân sách nhà nước 20.283 triệu đồng, thu hồi 123m<sup>2</sup> đất; xuất toán, loại khỏi giá trị quyết toán và chỉ đạo cơ quan có thẩm quyền xử lý bằng các biện pháp tài chính khác 33.075 triệu đồng và xử lý khác 66m<sup>2</sup> đất. Chỉ đạo cơ quan có thẩm quyền xử lý hành chính đối với 29 tập thể, 409 cá nhân; chuyển cơ quan điều tra 02 vụ việc 21 đối tượng.

<sup>57</sup> Trong năm, toàn tỉnh đã tiếp 9.142 lượt người đến KNTC và kiến nghị, phản ánh giải quyết 6.192 vụ việc (tăng 925 lượt người và tăng 57 vụ việc so với năm 2022). Tổng số đơn phải giải quyết là 4.227 đơn; đã xem xét giải quyết xong 3.859 đơn, đạt tỷ lệ 91,3%, giảm 0,5% so với năm 2022. Chỉ đạo giải quyết xong 20/20 vụ việc KNTC đông người, phức tạp, kéo dài.

<sup>58</sup> Trong năm đã xử lý, giải quyết ổn định vụ việc giữa thôn Khe Tấu, xã Yên Định, huyện Sơn Động và thôn Vách Gạo, xã Phú Nhuận, huyện Lục Ngạn.

tuyệt đối an toàn các sự kiện chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội quan trọng của tỉnh; góp phần thúc đẩy phát triển KTXH, nâng cao uy tín, hình ảnh của tỉnh.

Công tác quản lý nhà nước trên các lĩnh vực được tăng cường; đẩy mạnh thực hiện và đảm bảo tiến độ, chất lượng các chương trình, kế hoạch, đề án về bảo đảm an ninh, trật tự<sup>59</sup>. Việc thực hiện có hiệu quả các Đề án về bảo đảm an ninh, trật tự, xây dựng lực lượng Công an nhân dân đã góp phần giữ vững an ninh trật tự, phục vụ sự phát triển kinh tế, chính trị, xã hội của tỉnh; xây dựng lực lượng Công an cơ sở vững mạnh, đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ trong tình hình mới<sup>60</sup>. Tình hình tai nạn giao thông và cháy nổ có chuyển biến tích cực, giảm mạnh<sup>61</sup>.

Công tác đối ngoại được tăng cường, các hoạt động thông tin đối ngoại có nhiều hình thức mới, thiết thực; UBND tỉnh đã chỉ đạo xây dựng Kế hoạch thực hiện Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Chỉ thị số 15-CT/TW ngày 10/8/2022 của Ban Bí thư về công tác ngoại giao kinh tế phục vụ phát triển đất nước đến năm 2030 trên địa bàn tỉnh Bắc Giang giai đoạn 2023-2026; Kế hoạch tổ chức các hoạt động kỷ niệm 50 năm thiết lập quan hệ ngoại giao với các nước Nhật Bản, Singapore và Malaysia....

Công tác thông tin đối ngoại được tăng cường dưới nhiều hình thức đa dạng như: quảng bá hình ảnh của tỉnh trong các chương trình đón tiếp các đối tác nước ngoài đến thăm và làm việc tại tỉnh; các chuyến công tác của Lãnh đạo tỉnh tham gia 02 đoàn công tác cấp cao của Lãnh đạo Đảng và Nhà nước<sup>62</sup> và 03 đoàn công tác của Lãnh đạo tỉnh tới Hàn Quốc, Nhật Bản, Trung Quốc để xúc tiến hợp tác cấp địa phương, ký kết thỏa thuận hợp tác; tuyên truyền qua các ấn phẩm đối ngoại, cổng thông tin điện tử, mạng xã hội...

## **B. ĐÁNH GIÁ CHUNG**

### **I. KẾT QUẢ NỔI BẬT**

Năm 2023, dù đứng trước nhiều khó khăn, thách thức; song với sự thống nhất cao trong lãnh, chỉ đạo của Tỉnh ủy, HĐND và UBND tỉnh; sự vào cuộc tích cực của các cấp, các ngành, MTTQ và các tổ chức chính trị - xã hội; sự đồng thuận của Nhân dân và cộng đồng doanh nghiệp; Bắc Giang đã nhanh chóng thoát ra khó khăn, tận dụng tốt các cơ hội để bứt phá. KTXH đạt được nhiều kết quả quan trọng, toàn diện trên các lĩnh vực. Nhiều chỉ tiêu chủ yếu cao hơn bình quân chung của cả nước. Tăng trưởng kinh tế có xu hướng phục hồi, quý sau cao hơn quý trước, tăng trưởng toàn diện trên các lĩnh vực và các địa phương, đứng đầu các tỉnh, thành phố, cao gấp hơn 2 lần bình quân chung cả

59 Như Đề án 06, Đề án “Nâng cao hiệu lực, hiệu quả hoạt động của lực lượng Công an xã chính quy trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2021-2025”; Đề án “Nâng cao chất lượng, hiệu quả phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc, giai đoạn 2020-2025...”

<sup>60</sup> Tình hình tội phạm về trật tự xã hội trong năm 2023 giảm so với cùng kỳ với 1006 vụ 2.162 bị can, giảm 16 vụ, tương đương giảm 1,6%; tội phạm về ma túy tăng không đáng kể với 22 vụ, trong đó khởi tố mới 311 vụ, 492 bị can; phát hiện và khởi tố 03 vụ 04 đối tượng người nước ngoài nhập cảnh trái phép.

<sup>61</sup> Đã xảy ra 325 vụ TNGT, chết 187 người, bị thương 188 người, giảm 103 vụ, 75 người chết, 89 người bị thương so với cùng kỳ 2022. Cháy xảy ra 13 vụ, giảm 02 vụ so cùng kỳ năm 2022.

<sup>62</sup> Như: Đoàn công tác của Chủ tịch nước Võ Văn Thưởng tham dự Hội nghị cấp cao Diễn đàn hợp tác kinh tế Châu Á – Thái Bình Dương (APEC); Đoàn công tác do đồng chí Trần Thanh Mẫn - Ủy viên Bộ Chính trị, Phó Chủ tịch Thường trực Quốc hội làm Trưởng đoàn thăm làm việc tại Bồ Đào Nha, Bỉ và Nghị viện Châu Âu

nước. Sản xuất công nghiệp tăng mạnh là động lực chính cho tăng trưởng; sản xuất nông nghiệp ổn định, là trụ đỡ vững chắc của nền kinh tế. Dịch vụ phát triển sôi động. Thu NSNN đạt kết quả khá. Thu hút đầu tư, nhất là vốn FDI tiếp tục đạt kết quả nổi bật, đứng thứ 4/63 tỉnh, thành phố, cao nhất từ trước tới nay. Công tác quy hoạch được tập trung triển khai thực hiện. Vốn đầu tư công được tăng cường quản lý, phát huy hiệu quả; hạ tầng KTXH được cải thiện đáng kể. Các nguồn lực đất đai, tài nguyên được quan tâm, sử dụng hiệu quả hơn; công tác bảo vệ môi trường được chú trọng.

Công tác phát triển văn hóa được quan tâm, chú trọng hơn. Nhiều sự kiện văn hóa, thể thao mang tầm quốc gia, quốc tế được chức thành công đã góp phần nâng cao vị thế và uy tín của tỉnh. Chất lượng giáo dục, y tế được duy trì; an sinh xã hội được đảm bảo. Công tác chuyển đổi số gắn với cải cách hành chính đạt kết quả nổi bật. Chỉ đạo điều hành của chính quyền các cấp có nhiều đổi mới, sáng tạo, năng động và hiệu quả hơn; nhiều vấn đề tồn đọng kéo dài được giải quyết; các vụ việc phát sinh được ứng phó kịp thời. Công tác thanh tra, kiểm tra, tiếp công dân và giải quyết KNTC được chú trọng. An ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội được đảm bảo; phong trào Toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc có nhiều chuyển biến tích cực.

## **II. MỘT SỐ TỒN TẠI, HẠN CHẾ VÀ NGUYÊN NHÂN**

### **1. Về phát triển kinh tế, đầu tư xây dựng và tài nguyên, môi trường**

Tốc độ tăng trưởng kinh tế không đạt mục tiêu đề ra; kinh tế tăng trưởng cao song chưa bền vững. Sản xuất công nghiệp phải đối mặt với nhiều khó khăn thách thức như chi phí sản xuất tăng, đơn hàng sụt giảm; hạ tầng các khu, cụm công nghiệp chậm được đầu tư hoàn chỉnh, đồng bộ; hoạt động sản xuất kinh doanh của một số doanh nghiệp gặp nhiều khó khăn. Có thời điểm phát sinh tình trạng thiếu điện sản xuất tại các KCN gây ảnh hưởng lớn đến hoạt động sản xuất kinh doanh của các DN. Số DN thành lập mới tăng cao, song cũng có nhiều DN giải thể, tạm ngừng hoạt động.

Công tác tập trung hỗ trợ trong việc giải phóng mặt bằng các cụm công nghiệp còn gặp nhiều khó khăn. Các dự án gặp nhiều khó khăn trong quá trình thực hiện, đặc biệt là khâu bồi thường, giải phóng mặt bằng tiếp cận đất đai để có mặt bằng thực hiện dự án.

Phát triển kinh tế dịch vụ chưa tương xứng với tiềm năng, lợi thế của địa phương và chưa theo kịp tốc độ phát triển công nghiệp, tỷ trọng trong cơ cấu kinh tế giảm; chưa thu hút nhà đầu tư dự án thương mại - dịch vụ quy mô cấp vùng, tiến độ thực hiện một số dự án trong lĩnh vực dịch vụ chậm so với chấp thuận đầu tư; trên địa bàn tỉnh nhìn chung vẫn còn thiếu các dịch vụ lưu trú, ăn uống, vui chơi giải trí... đáp ứng tốt nhu cầu. Việc phát triển hạ tầng, dịch vụ bưu chính viễn thông trên địa bàn gặp nhiều khó khăn.

Giá vật tư đầu vào phục vụ sản xuất cao trong khi giá bán sản phẩm nông nghiệp có thời điểm xuống thấp (lợn) đã ảnh hưởng đến đầu tư, sản xuất và thu nhập của người dân; số lượng doanh nghiệp liên kết, thu mua nông sản chế biến



trên địa bàn tỉnh còn ít, sản lượng chế biến chưa đáp ứng được yêu cầu sản xuất; công tác bảo quản sơ chế, chế biến tại chỗ còn nhiều hạn chế; giá trị gia tăng sản phẩm chưa cao, thị trường tiêu thụ, giá cả sản phẩm chăn nuôi không ổn định nên phát triển chăn nuôi chưa thật sự bền vững. Việc thu hút doanh nghiệp đầu tư vào lĩnh vực nông nghiệp, đặc biệt là doanh nghiệp nông nghiệp công nghệ cao còn gặp khó khăn. Tình trạng chặt phá rừng trái phép vẫn xảy ra; cháy rừng vẫn diễn biến hết sức phức tạp, luôn tiềm ẩn nguy cơ cháy rừng<sup>63</sup>.

Thu ngân sách giảm so với năm 2022, một số DN do khó khăn vẫn chưa hoàn thành nghĩa vụ nộp thuế, những DN nợ thuế lớn, nợ kéo dài, khả năng thanh toán nợ rất thấp<sup>64</sup>. Việc thực hiện công tác thanh tra, kiểm tra tài chính tiền độ còn chậm; vẫn còn một số đơn vị không chấp hành nghiêm túc các quy định của nhà nước về công tác quản lý tài chính nhưng chưa được chấn chỉnh kịp thời.

Đối với đầu tư công, công tác giải quyết dứt điểm các tồn tại, vướng mắc về giải phóng mặt bằng một số dự án xây dựng kết cấu hạ tầng chậm, ảnh hưởng đến tiến độ thực hiện và hiệu quả đầu tư các dự án. Việc triển khai 3 chương trình MTQG gặp nhiều vướng mắc, tiến độ còn chậm.

Công tác tham mưu, xử lý vi phạm trên lĩnh vực đất đai sau thực hiện Chỉ thị số 19-CT/TU ngày 11/6/2020 của Tỉnh ủy tại một số địa phương còn chậm, lúng túng, chưa đáp ứng được yêu cầu; trong khi đó, số lượng vi phạm mới vẫn phát sinh, gây bức xúc trong dư luận. Công tác cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất sau dồn điền đổi thửa, sau hiến đất xây dựng nông thôn mới, sau đo đạc bản đồ còn nhiều khó khăn, vướng mắc. Công tác sắp xếp nhà đất dôi dư sau sắp xếp cơ quan, đơn vị hành chính ở một số địa phương còn chậm.

Công tác quản lý nhà nước về khai thác tài nguyên, khoáng sản ở một số đơn vị, địa phương còn tồn tại, hạn chế nên còn tình trạng khai thác quá phép. Việc xử lý chất thải, bố trí vị trí đổ thải vật liệu xây dựng còn gặp khó khăn. Tình trạng vi phạm bảo vệ kết cấu hạ tầng, lấn chiếm hành lang an toàn giao thông đường bộ phát sinh nhiều.

## **2. Văn hóa, xã hội; khoa học công nghệ**

Tình trạng quá tải (số học sinh/lớp, số lớp/trường), thiếu giáo viên xảy ra ở nhiều trường. Việc đầu tư xây dựng cơ sở vật chất và mua sắm thiết bị còn hạn chế, tiến độ chậm.

Việc thực hiện đấu thầu, mua sắm thuốc trang thiết bị, vật tư y tế tại các cơ sở y tế còn nhiều khó khăn, vướng mắc vẫn chưa tháo gỡ được, còn tình trạng một số cơ sở y tế không cung ứng đủ, kịp thời một số loại thuốc, trang thiết bị, vật tư y tế. Tiến độ triển khai các dự án đầu tư xây dựng cơ sở y tế sử dụng nguồn vốn Trung ương còn chậm<sup>65</sup>. Tỷ lệ tiêm chủng đầy đủ cho trẻ dưới 1 tuổi và tỷ lệ tiêm vắc xin uốn ván cho phụ nữ có thai còn thấp. Hiệu quả công tác dân số -

<sup>63</sup> Số vụ cháy và diện tích thiệt hại tăng cao so với năm 2022, tăng 02 vụ, tăng 50%, diện tích thiệt hại tăng 11,84ha, tăng 93,7% so với năm 2022.

<sup>64</sup> Công ty CP Habada 130,8 tỷ đồng; Công ty CP Cơ Khí Xây Dựng Số 2 Hà Bắc 19,284 tỷ đồng, Công ty CP Hợp Nhất nợ 52,765 tỷ đồng; Công ty TNHH thương mại dịch vụ HN VINA nợ 14,2 tỷ đồng;...

<sup>65</sup> Đặc biệt là dự án xây dựng mới, sửa chữa, nâng cấp các trạm y tế xã thuộc Chương trình đầu tư phát triển mạng lưới cơ sở y tế vùng khó khăn sử dụng vốn vay của Ngân hàng Phát triển Châu Á – ADB.

KHHGD chưa bền vững, tỷ lệ sinh con lần thứ 3 trở lên và tỷ số giới tính nam/nữ khi sinh còn cao; còn tình trạng cán bộ, đảng viên vi phạm chính sách dân số. Còn xảy ra tình trạng vượt dự toán chi khám bệnh, chữa bệnh BHYT.

Một số cơ quan, đơn vị, địa phương không chủ động cung cấp thông tin hoặc khi cung cấp thông tin cho cơ quan báo chí có nội dung chưa đầy đủ, chưa đúng bản chất sự việc dẫn đến dễ xảy ra tình trạng một số bài viết phản ánh về công tác quản lý đất đai, hoạt động khai thác khoáng sản trên địa bàn tỉnh chưa phù hợp.

Một số thiết chế văn hóa cơ sở chưa được sử dụng thật sự hiệu quả, chưa phát huy đầy đủ vai trò là thành tố góp phần xây dựng đời sống văn hóa ở địa phương. Một số di tích lịch sử, văn hóa, thiết chế văn hóa chậm được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Nguồn nhân lực CNTT còn thiếu, nhất là nhân lực về phần mềm, bảo mật, công nghệ số. Tình hình lao động, việc làm có thời điểm gặp nhiều áp lực do nhiều DN giảm sản xuất hoặc tạm ngừng hoạt động. Đời sống của một bộ phận công nhân gặp nhiều khó khăn. Một số doanh nghiệp còn nợ đọng kéo dài tiền tham gia bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, ảnh hưởng đến quyền lợi của người lao động. Tỷ lệ người dân tham gia bảo hiểm xã hội tự nguyện còn thấp so với tiềm năng của tỉnh.

Chất lượng, hiệu quả hoạt động nghiên cứu, triển khai, ứng dụng các thành tựu khoa học và công nghệ vào sản xuất và đời sống chưa đồng đều trong các lĩnh vực, chưa trọng tâm vào một số lĩnh vực như công nghệ thông tin, công nghệ sinh học, công nghệ vật liệu mới.

Kết cấu hạ tầng nhiều nơi vùng miền núi, đồng bào dân tộc thiểu số còn thiếu và chưa đáp ứng yêu cầu phục vụ phát triển kinh tế, đời sống dân sinh, nhất là giao thông, thủy lợi; chất lượng nguồn nhân lực các dân tộc thiểu số thấp; chất lượng dịch vụ y tế, công tác khám, chữa bệnh cho Nhân dân có mặt còn hạn chế.

### **3. Lĩnh vực đối ngoại; nội chính**

Hình thức tuyên truyền, thông tin đối ngoại còn chưa đa dạng. Việc thông tin, quảng bá về tỉnh mới được tập trung thực hiện thông qua các cơ quan báo chí là chủ yếu (cả báo chí Trung ương và báo chí tỉnh); chưa được thực hiện thường xuyên trên các phương thức khác; chưa khai thác, phát huy mạnh mẽ được các loại hình truyền thông (trang thông tin điện tử, zalo, facebook, fanpage...).

An ninh, trật tự còn tiềm ẩn phức tạp, tội phạm lừa đảo chiếm đoạt tài sản qua mạng xảy ra nhiều, tình trạng thanh thiếu niên vi phạm pháp luật có chiều hướng tăng. Tội phạm, vi phạm pháp luật về đất đai, môi trường, nhất là khai thác khoáng sản (đất) trái phép, ngoài phép xảy ra ở một số địa phương. Tình hình an ninh, trật tự trong các khu công nghiệp và khu vực xung quanh các khu công nghiệp còn tiềm ẩn phức tạp, nhiều loại hình tội phạm mới và tệ nạn xã hội có nguy cơ tăng, trộm cắp tài sản trong doanh nghiệp vẫn xảy ra. Còn tiềm ẩn phức tạp trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi của tỉnh, như: Tình trạng tranh chấp, lấn chiếm đất rừng, cò bạc... Chất lượng giải quyết tố giác,

tin báo về tội phạm của một số cơ quan Công an cấp huyện còn hạn chế; một số tồn tại, hạn chế trong công tác thi hành án dân sự được chỉ ra nhưng chậm được khắc phục.

Hiệu lực chỉ đạo, điều hành của chính quyền trên một số mặt chưa đáp ứng yêu cầu. Kỷ luật hành chính ở một số nơi chưa nghiêm. Tinh thần trách nhiệm, kỷ luật công vụ, phong cách làm việc, ý thức phục vụ Nhân dân của một bộ phận cán bộ, công chức, viên chức thấp. Chỉ số hài lòng của người dân, tổ chức đối với sự phục vụ của cơ quan hành chính nhà nước (SIPAS) năm 2022 chỉ đạt 78,26%, xếp thứ 44/63 tỉnh, thành phố (*giảm 36 bậc so với năm 2021*)

Việc phát hiện những sơ hở, bất cập về cơ chế chính sách qua công tác thanh tra, việc kiến nghị xử lý hành chính đối với các sai phạm phát hiện qua thanh tra và kiến nghị xử phạt vi phạm hành chính qua thanh tra còn hạn chế. Việc đôn đốc xử lý sau thanh tra tuy đã có chuyển biến nhưng tỷ lệ thu hồi tiền, tài sản qua thanh tra còn thấp, chưa đáp ứng được yêu cầu đề ra.

Chất lượng, hiệu quả công tác tiếp công dân và giải quyết vụ việc ở một số địa phương còn hạn chế; việc vi phạm thời hạn giải quyết vẫn còn xảy ra, một số địa phương chậm giải quyết vụ việc do Chủ tịch UBND tỉnh chuyển về; có địa phương chưa quyết liệt, chưa có giải pháp cụ thể để xử lý, giải quyết vụ việc phức tạp, kéo dài.

Công tác lãnh đạo, chỉ đạo, xây dựng, hoàn thiện pháp luật nhằm phòng ngừa tham nhũng và việc thực hiện các giải pháp phòng ngừa tham nhũng của một số cơ quan, đơn vị, địa phương còn chưa tốt; việc triển khai thực hiện quy định về kiểm soát xung đột lợi ích của các địa phương, đơn vị còn hạn chế. Công tác phát hiện tham nhũng qua thanh tra hành chính, thanh tra chuyên ngành và kiểm tra nội bộ còn hạn chế

Công tác xây dựng thể chế, rà soát văn bản ở một số sở, ngành và UBND cấp huyện chất lượng, hiệu quả còn chưa cao; công tác xây dựng, tự đánh giá chuẩn tiếp cận pháp luật còn hình thức, kết quả đánh giá cho thấy mức độ tiếp cận pháp luật của người dân còn thấp; hoạt động của Tổ hòa giải ở một số cấp xã chưa có chiều sâu; việc áp dụng các quy định về xử phạt vi phạm hành chính ở một số cơ quan, địa phương chưa đảm bảo chặt chẽ, còn thiếu sót, sai phạm.

### **III. NGUYÊN NHÂN**

#### **1. Nguyên nhân khách quan**

Nền kinh tế của tỉnh có độ mở lớn và chịu ảnh hưởng của những diễn biến về tình hình kinh tế, chính trị thế giới, trong khi năng lực nội tại còn thấp, sức chống chịu và tính cạnh tranh chưa cao nên chịu tác động, ảnh hưởng lớn bởi các yếu tố bên ngoài đã ảnh hưởng đến việc thực hiện một số chỉ tiêu như tốc độ tăng trưởng kinh tế, thu ngân sách... Những tồn tại, hạn chế về chất lượng tăng trưởng cần phải có thời gian để khắc phục; thách thức về các vấn đề hạ tầng, môi trường, tệ nạn xã hội, thiên tai, dịch bệnh, an ninh trật tự... ngày càng lớn.

Hệ thống các văn bản pháp luật chưa đồng bộ, chậm ban hành, một số nội dung chưa được Trung ương hướng dẫn kịp thời gây khó khăn trong quá trình

thực hiện, nhất là về quy hoạch, thực hiện các CTMTQG... Công tác liên thông, kết nối, chia sẻ dữ liệu giữa các phần mềm quản lý chuyên ngành của một số bộ, ngành với phần mềm một cửa điện tử còn nhiều bất cập.

Ý thức chấp hành các quy định pháp luật của một bộ phận người dân và DN chưa cao, không hợp tác, cố tình hiểu sai thậm chí cố tình vi phạm, nhất là trên các lĩnh vực như: đầu tư, xây dựng, đất đai, môi trường, lao động... Mặt trái của quá trình phát triển dẫn đến những yếu tố tiềm ẩn gây mất ổn định.

## **2. Nguyên nhân chủ quan**

Một bộ phận cán bộ, công chức năng lực còn yếu, còn hiện tượng né tránh, đùn đẩy trách nhiệm; chưa phát huy đầy đủ trách nhiệm người đứng đầu ở một số cơ quan, đơn vị, địa phương, chưa quyết liệt trong chỉ đạo, điều hành. Thu ngân sách đạt thấp hơn các năm gần đây đã ảnh hưởng đến việc thực hiện một số nhiệm vụ, nhất là về đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng kinh tế, xã hội.

Công tác phân tích, dự báo đánh giá tình hình trong một số trường hợp còn chưa kịp thời, hiệu quả. Việc nắm tình hình có lúc thực hiện chưa tốt; việc chấp hành chế độ thông tin báo cáo chưa kịp thời, chất lượng không cao.

Sự phối hợp giữa các cấp, các ngành, các địa phương có lúc, có nơi chưa chặt chẽ, hiệu quả chưa cao. Công tác tuyên truyền, phổ biến pháp luật; thanh tra, kiểm tra, giám sát một số lĩnh vực chưa quyết liệt, kịp thời, hiệu quả.

Hiệu quả công tác tuyên truyền, phổ biến pháp luật trên một số lĩnh vực chưa cao, dẫn đến sự hiểu biết và ý thức chấp hành pháp luật của một bộ phận cán bộ, công chức, viên chức, người lao động và công dân còn hạn chế.

## **Phần thứ hai**

### **MỤC TIÊU VÀ CÁC CHỈ TIÊU CHỦ YẾU KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI NĂM 2024**

#### **I. DỰ BÁO TÌNH HÌNH**

Năm 2024 dự báo tình hình thế giới tiếp tục diễn biến phức tạp, khó lường; tăng trưởng kinh tế, thương mại, đầu tư toàn cầu tiếp tục xu hướng chậm lại. Ở trong nước, bên cạnh những thuận lợi thì nền kinh tế tiếp tục chịu "tác động tiêu cực kép" từ những yếu tố bất lợi bên ngoài và những hạn chế, bất cập bên trong; thời cơ, thuận lợi và khó khăn, thách thức đan xen nhưng khó khăn, thách thức nhiều hơn, nhất là trong điều hành kinh tế vĩ mô, vừa phải kiểm soát lạm phát, vừa phải thúc đẩy tăng trưởng.

Cùng với cả nước, Bắc Giang đứng trước những thời cơ, thuận lợi và khó khăn, thách thức đan xen nhưng khó khăn, thách thức nhiều hơn. Tình hình kinh tế thế giới được dự báo sẽ "tốt lên" song vẫn còn nhiều khó khăn, trong điều kiện nền kinh tế của tỉnh ngày càng hội nhập sâu hơn với nền kinh tế thế giới sẽ tác động đến tình hình hoạt động của các doanh nghiệp. Bên cạnh đó, nhiều vấn đề tồn tại của nền kinh tế không thể khắc phục được ngay sẽ là những "rào cản" ảnh hưởng đến việc thực hiện các mục tiêu phát triển của tỉnh.

Mặc dù có những khó khăn, thách thức song tỉnh cũng có nhiều yếu tố thuận lợi cho phát triển kinh tế - xã hội năm 2024. Trong đó, các thành tựu quan trọng đạt được trong những năm qua đã nâng cao vị thế, uy tín của tỉnh; việc duy trì được tốc độ tăng trưởng kinh tế cao trong thời gian qua sẽ tạo nền tảng để duy trì được tốc độ tăng trưởng trong năm 2024; những nỗ lực trong cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh thời gian qua đã đưa Bắc Giang trở thành một trong những điểm đến “hấp dẫn” các nhà đầu tư trong và ngoài nước. Tỉnh ủy, HĐND, UBND tỉnh luôn quyết liệt, kiên định mục tiêu, mạnh dạn đổi mới tư duy trong lãnh, chỉ đạo thực hiện phát triển KTXH; các cấp các ngành quyết tâm cao, linh hoạt, sáng tạo trong tổ chức thực hiện; niềm tin của người dân và cộng đồng DN ngày càng được củng cố vững chắc....

## II. MỤC TIÊU, CHỈ TIÊU CHỦ YẾU

### 1. Mục tiêu tổng quát

Huy động sức mạnh của cả hệ thống chính trị, khắc phục khó khăn, tận dụng thời cơ đẩy mạnh phát triển đồng bộ, toàn diện trên các lĩnh vực; duy trì tốc độ tăng trưởng cao, nằm trong nhóm dẫn đầu cả nước. Nâng cao chất lượng tăng trưởng; thu hút, sử dụng hiệu quả các nguồn lực. Tiếp tục cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh cấp tỉnh, thu hút đầu tư, đẩy mạnh đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng theo hướng đồng bộ, hiện đại, tập trung cao sắp xếp đơn vị hành chính, phát triển đô thị. Tiếp tục đẩy mạnh cải cách hành chính, tư pháp, quyết liệt phòng chống, tham nhũng, tiêu cực, lãng phí. Quản lý chặt chẽ, sử dụng hiệu quả đất đai, tài nguyên, bảo vệ môi trường, chủ động phòng, chống thiên tai, ứng phó với biến đổi khí hậu. Phát triển toàn diện các lĩnh vực văn hóa - xã hội; đẩy mạnh chuyển đổi số, ứng dụng tiến bộ khoa học công nghệ vào sản xuất và đời sống; nâng cao chất lượng cuộc sống của Nhân dân. Gắn kết chặt giữa phát triển kinh tế - xã hội với củng cố, bảo đảm quốc phòng, an ninh, giữ vững an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội. Phấn đấu thực hiện hoàn thành và hoàn thành vượt mức các chỉ tiêu, nhiệm vụ năm 2024 đề ra. Tiếp tục nâng cao hình ảnh, vị thế của tỉnh lên tầm cao mới.

### 2. Các chỉ tiêu chủ yếu

#### \* Về kinh tế:

(1) Phấn đấu tốc độ tăng GRDP đạt 14,5%, trong đó Công nghiệp - xây dựng tăng 18,3% (*Công nghiệp tăng 19,3%, xây dựng tăng 9%*); Dịch vụ tăng 7,2%; Nông, lâm nghiệp và thủy sản tăng 1,5%; Thuế sản phẩm tăng 8%.

Cơ cấu kinh tế: Công nghiệp - xây dựng 68%; Dịch vụ (*bao gồm cả Thuế sản phẩm*) 20,6%; Nông, lâm nghiệp, thủy sản 11,4%;

(2) GRDP bình quân đầu người đạt 4.500 USD;

(3) Tốc độ tăng năng suất lao động 13,5%;

(4) Thu ngân sách nhà nước đạt 16.068 tỷ đồng;

(5) Huy động vốn đầu tư phát triển toàn xã hội 103.580 tỷ đồng;

(6) Giá trị sản xuất/01ha đất sản xuất nông nghiệp đạt 138-140 triệu đồng;

(7) Khách du lịch 2,3 triệu lượt;

(8) Tỷ lệ dân số đô thị đạt 33,3%;

(9) Tỷ lệ xã đạt chuẩn nông thôn mới đạt 87,36%; đơn vị cấp huyện đạt chuẩn nông thôn mới: lũy kế 7 huyện (bao gồm cả Thành phố Bắc Giang).

**\* Về văn hóa - xã hội:**

(10) Tỷ lệ trường chuẩn quốc gia mức độ 1 đạt 95,2%, mức độ 2 đạt 26,6%;

(11) Số giường bệnh/10.000 dân (không tính giường của TYT xã và PKĐKKV) đạt 34,4 giường; tỷ lệ người dân có thẻ BHYT đạt 99,32%; 44% lao động trong độ tuổi tham gia BHXH;

(12) Tỷ lệ thôn, bản, tổ dân phố đạt danh hiệu văn hoá 82%; Tỷ lệ phường, thị trấn đạt chuẩn văn minh đô thị 92,6%; Tỷ lệ xã có đầy đủ các thiết chế văn hóa, thể thao cấp thôn, cấp xã 88%;

(13) Tỷ lệ hộ nghèo (theo chuẩn giai đoạn 2021-2026) đạt 1,82%; trong đó các xã đặc biệt khó khăn còn 10%; Xóa 100% nhà tạm, nhà dột nát cho hộ nghèo, hộ cận nghèo và hỗ trợ 100% gia đình người có công gặp khó khăn về nhà ở, nhà xuống cấp cần được sửa chữa, xây mới.

(14) Tỷ lệ lao động qua đào tạo 78%; tỷ lệ lao động qua đào tạo có văn bằng, chứng chỉ đạt 34%; Tỷ lệ lao động thất nghiệp thành thị 2,5%; Cơ cấu lao động: Nông, lâm nghiệp, thủy sản 22,7%; Công nghiệp - xây dựng 46,1%; Dịch vụ 31,2%.

**\* Về môi trường:**

(15) Tỷ lệ dân số được dùng nước sạch (đạt quy chuẩn 01 trở lên) đạt 63,8% (trong đó thành thị 94%; nông thôn đạt 57,5%).

(16) Tỷ lệ chất thải rắn được thu gom xử lý hợp vệ sinh đạt 86,7% (thành thị 97,5%, nông thôn 80,6%);

(17) KCN có hệ thống xử lý nước thải tập trung đạt tiêu chuẩn môi trường 100%; CCN đang hoạt động có hệ thống xử lý nước thải tập trung đạt tiêu chuẩn 65,8%; Tỷ lệ cơ sở gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng được xử lý 100%;

(18) Tỷ lệ che phủ rừng đạt 37,7%.

**\* Về nội chính:**

(19) Hoàn thành việc sắp xếp đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã trên địa bàn tỉnh giai đoạn đến năm 2025 theo Nghị quyết số 233-NQ/TU ngày 25/7/2023 của Tỉnh ủy và Chỉ thị số 27-CT/TU ngày 25/8/2023 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy.

(20) 100% các vụ việc khiếu nại, tố cáo phức tạp thuộc thẩm quyền được người đứng đầu cấp ủy, chính quyền các cấp đối thoại, chỉ đạo giải quyết kịp thời, hiệu quả. Số vụ khiếu kiện phức tạp, kéo dài trên địa bàn giảm hơn so với năm 2023; không phát sinh điểm nóng về an ninh, trật tự. Hoàn thành việc khởi công xây dựng 100% trụ sở công an xã.

### III. NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP CHỦ YẾU NĂM 2024

**1. Tiếp tục đổi mới tư duy trong chỉ đạo thực hiện nhiệm vụ; tập trung tháo gỡ các điểm nghẽn, nút thắt cản trở sự phát triển**

Người đứng đầu cơ quan, địa phương, đơn vị tiếp tục quán triệt, triển khai thực hiện nghiêm, hiệu quả, vận dụng sáng tạo đường lối của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước, bám sát sự chỉ đạo điều hành của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, của Tỉnh ủy, Ban Thường vụ Tỉnh ủy, HĐND tỉnh phù hợp tình hình thực tiễn của cơ quan, địa phương, đơn vị. Tiếp tục đổi mới tư duy, nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác lãnh đạo, quản lý, điều hành cơ quan, tổ chức, đơn vị, chỉ đạo bảo đảm có trọng tâm, trọng điểm, rõ người, rõ việc, rõ thời gian hoàn thành.

Thực hiện nghiêm túc, có hiệu quả các chủ trương, nghị quyết của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, sự lãnh đạo, chỉ đạo của Trung ương; Kết luận số 247-KL/TU ngày 28/8/2023 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh về một số nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm cần tập trung thực hiện từ nay đến hết nhiệm kỳ Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh lần thứ XIX.

Tập trung rà soát, xây dựng, hoàn thiện hệ thống các quy định, cơ chế chính sách để tháo gỡ các điểm nghẽn, nút thắt hiện nay, nhất là trong cải cách hành chính, đầu tư hạ tầng, giải phóng mặt bằng, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực... gắn với nâng cao hiệu lực, hiệu quả tổ chức thực thi, với tinh thần **“mọi khó khăn, vướng mắc đều phải có hướng tháo gỡ và phải được tháo gỡ kịp thời”**. Với tinh thần “cái gì có lợi cho dân, cho phát triển chung của tỉnh thì phải kiên quyết làm”, các ngành cần phải nắm chắc, bám sát tình hình thực tiễn, nâng cao chất lượng dự báo; nhận diện đúng tình hình, đánh giá, lựa chọn đúng vấn đề quan trọng cần giải quyết; các chủ trương, chính sách vừa đáp ứng nhu cầu bức thiết vừa có tầm nhìn dài hạn, không bị hạn chế bởi “tư duy nhiệm kỳ”.

## **2. Quan tâm củng cố, phát triển các động lực tăng trưởng gắn với hiệu quả cơ cấu lại nền kinh tế**

Tập trung thực hiện hiệu quả, thực chất cơ cấu lại nền kinh tế gắn với đổi mới mô hình tăng trưởng, nâng cao năng lực cạnh tranh, phát triển nhanh, bền vững, đẩy nhanh phát triển kinh tế số, kinh tế xanh, kinh tế tuần hoàn, thương mại điện tử để tạo động lực phát triển mới.

Tiếp tục thực hiện hiệu quả Nghị quyết số 147-NQ/TU ngày 15/07/2021 của Tỉnh ủy về phát triển công nghiệp tỉnh Bắc Giang giai đoạn 2021-2030; thực hiện tái cơ cấu sản xuất công nghiệp, trong đó ưu tiên thu hút FDI theo hướng bền vững với quan điểm “1 không, 2 ít, 3 cao (*không ô nhiễm, sử dụng ít đất, ít lao động, công nghệ cao, suất vốn cao, hiệu quả kinh tế cao*) và “5 sẵn sàng” (*mặt bằng, nhân lực, cải thiện môi trường đầu tư, hỗ trợ nhà đầu tư, chống dịch hiệu quả*) để hướng tới mô hình “Hệ sinh thái công nghiệp”; chủ động rà soát, nắm bắt tình hình hoạt động của các doanh nghiệp để hỗ trợ, giải quyết những đề xuất, kiến nghị, tháo gỡ khó khăn, phục hồi sản xuất; xây dựng phương án đảm bảo cung ứng đủ điện cho sản xuất.

Đẩy nhanh tiến độ thành lập, đầu tư hạ tầng các khu công nghiệp để thu hút đầu tư, gắn kết khu công nghiệp với khu đô thị, dịch vụ có kết cấu hạ tầng kỹ thuật và hạ tầng xã hội đồng bộ, hiện đại; tiếp tục đẩy mạnh chuyển dịch cơ cấu ngành công nghiệp theo hướng thu hút đầu tư các ngành chế biến, chế tạo và giảm tỷ trọng gia công, lắp ráp.

Tiếp tục phát triển đa dạng các loại hình dịch vụ, trọng tâm thúc đẩy triển khai các dự án lớn, trọng điểm, tạo sự chuyển dịch ngành dịch vụ theo hướng tận dụng lợi thế về vị trí địa lý như dịch vụ tổng hợp logistic, cảng cạn (ICD), siêu thị, vui chơi, giải trí, thể thao golf... Tiếp tục duy trì và phát triển 04 sản phẩm du lịch chính; tập trung quy hoạch, thu hút đầu tư xây dựng 3 khu du lịch có quy mô lớn, tạo sức lan tỏa cho phát triển du lịch của tỉnh và trở thành khu du lịch quốc gia. Chú trọng phát triển hệ thống dịch vụ phục vụ phát triển công nghiệp; thúc đẩy phát triển kinh tế số, thương mại điện tử,...

Triển khai thực hiện hiệu quả các Chương trình, Nghị quyết của Tỉnh ủy, Ban Thường vụ Tỉnh ủy, các cơ chế, chính sách hỗ trợ phát triển nông nghiệp, nông thôn<sup>66</sup> để thu hút các doanh nghiệp, nguồn lực đầu tư vào cho nông nghiệp, nông thôn, nâng cao đời sống cho người dân nông thôn góp phần hoàn thành mục tiêu xây dựng nông thôn mới.

Tiếp tục đẩy mạnh cơ cấu lại ngành nông nghiệp theo hướng sản xuất hàng hóa tập trung, hiệu quả, ứng dụng công nghệ cao, theo tiêu chuẩn VietGAP, Global GAP, nông nghiệp hữu cơ; phát triển sản phẩm OCOP mới. Tăng cường các hoạt động kết nối cung - cầu, liên kết với các tập đoàn, tổng công ty, các thành phố lớn, các sàn thương mại điện tử, xây dựng các chuỗi liên kết từ sản xuất đến tiêu thụ sản phẩm. Thực hiện tốt công tác quản lý, bảo vệ rừng, phát triển kinh tế rừng gắn với du lịch sinh thái, bảo vệ môi trường. Huy động và sử dụng có hiệu quả các nguồn lực để xây dựng nông thôn mới, nông thôn mới nâng cao, kiểu mẫu; trong đó ưu tiên nguồn lực cho phát triển sản xuất.

Tập trung thực hiện đồng bộ linh hoạt các giải pháp huy động vốn và hoạt động cho vay; bảo đảm cung cấp đủ vốn tín dụng cho nền kinh tế, tập trung vào sản xuất kinh doanh, các lĩnh vực ưu tiên và các động lực tăng trưởng; tạo thuận lợi cho người dân, DN tiếp cận vốn tín dụng; kiểm soát chặt chẽ tín dụng vào các lĩnh vực tiềm ẩn rủi ro; đẩy mạnh thanh toán không dùng tiền mặt, đảm bảo an ninh, an toàn hoạt động công nghệ thông tin.

### **3. Cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh, nâng cao chất lượng thu hút đầu tư; tạo điều kiện phát triển các thành phần kinh tế**

Triển khai thực hiện nghiêm túc, quyết liệt, hiệu quả Nghị quyết số 105-NQ/TU ngày 28/4/2021 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy, trong đó tập trung vào công tác chỉ đạo, điều hành, tăng cường đối thoại giữa lãnh đạo tỉnh, lãnh đạo các ngành, địa phương với các doanh nghiệp để xử lý kịp thời những vướng mắc, bất cập, tạo môi trường đầu tư kinh doanh thuận lợi, công khai, minh bạch; tiếp tục quán triệt nâng cao tính năng động, tiên phong, quyết tâm, trách nhiệm của lãnh đạo các cấp, các ngành và nhận thức, trách nhiệm của cán bộ, đảng viên, công chức, viên chức trong thực hiện cải thiện môi trường đầu tư, kinh doanh và trong thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp nâng cao hiệu quả thu hút đầu tư.

<sup>66</sup> Như: Nghị quyết số 401-NQ/TU ngày 03/4/2019 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về Chiến lược phát triển nông nghiệp tỉnh Bắc Giang đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2035; Nghị quyết số 249-NQ/TU ngày 01/11/2017 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về tăng cường lãnh đạo, chỉ đạo công tác quản lý, bảo vệ và phát triển rừng trên địa bàn tỉnh Bắc Giang và Chương trình hành động số 37-CTr/TU ngày 07/10/2022 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về nông nghiệp, nông dân, nông thôn đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045.



Tiếp tục thực hiện nhất quán chủ trương “*đồng hành cùng doanh nghiệp*”, tích cực hỗ trợ các nhà đầu tư, doanh nghiệp tháo gỡ khó khăn, vướng mắc. Đồng thời, tăng cường công tác quản lý nhà nước đối với các dự án đầu tư.

Thực hiện tốt việc giải quyết TTHC trên môi trường điện tử, chuẩn hóa, điện tử hóa quy trình nghiệp vụ xử lý hồ sơ. Chuẩn bị các điều kiện, nhất là hạ tầng, nguồn nhân lực, mặt bằng để chủ động đón đầu dòng dịch chuyển vốn đầu tư nước ngoài, đặc biệt là các nguồn vốn chất lượng với công nghệ tiên tiến theo định hướng phát triển các ngành, lĩnh vực; giữ vững các chỉ số thành phần có thứ hạng cao, phân tích, đưa ra các giải pháp mới để nâng cao điểm số các chỉ số thành phần còn chưa tốt của chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (PCI). Thực hiện có hiệu quả Kế hoạch số 20-KH/TU ngày 09/6/2021 của Tỉnh ủy về đào tạo, nâng cao chất lượng nguồn lao động trên cơ sở nhu cầu thị trường và cơ cấu hợp lý.

Tiếp tục tăng cường công tác thông tin, tuyên truyền tạo sự đồng thuận của cả hệ thống chính trị đối với công tác cải thiện môi trường, đầu tư kinh doanh của tỉnh; động viên, khen thưởng, biểu dương kịp thời các đơn vị làm tốt, phê bình, xử lý nghiêm những địa phương, đơn vị làm chưa tốt, không thực hiện nghiêm chỉ đạo của tỉnh trong việc cải thiện môi trường đầu tư, kinh doanh, tháo gỡ khó khăn, vướng mắc cho các nhà đầu tư, doanh nghiệp.

Thực hiện đồng bộ các giải pháp nhằm tháo gỡ khó khăn, hỗ trợ doanh nghiệp hoạt động sản xuất ổn định như: triển khai có hiệu quả các hoạt động khuyến công, xúc tiến thương mại, tiết kiệm năng lượng; hỗ trợ liên kết nhằm kết nối đơn vị sản xuất với thị trường tiêu thụ, đặc biệt là người tiêu dùng, góp phần thúc đẩy tiêu thụ sản phẩm, mở rộng mạng lưới kinh doanh. Tổ chức kết nối và hỗ trợ các doanh nghiệp trong nước tham gia vào chuỗi cung ứng cho các doanh nghiệp và các dự án có vốn đầu tư nước ngoài.

#### **4. Đẩy mạnh thu ngân sách nhà nước, sử dụng có hiệu quả ngân sách nhà nước;**

Tiếp tục quán triệt và thực hiện hiệu quả Chỉ thị số 12-CT/TU ngày 28/9/2021 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về tăng cường sự lãnh đạo của cấp ủy đảng đối với công tác quản lý thu, chi NSNN, chống thất thu; Quyết định số 384/QĐ-UBND ngày 16/4/2021 của UBND tỉnh về phê duyệt Đề án tăng thu NSNN; hoàn thiện và triển khai thực hiện Đề án chống thất thu thuế tài nguyên và phí bảo vệ môi trường đối với khai thác khoáng sản giai đoạn 2024-2030 ngay từ năm 2024.

Tập trung triển khai thực hiện các biện pháp nâng cao hiệu quả quản lý thu, rà soát, quản lý chặt chẽ các nguồn thu mới phát sinh, bám sát tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp, hộ kinh doanh để nghiên cứu, đề xuất kịp thời các chính sách phù hợp nhằm hỗ trợ, thúc đẩy doanh nghiệp, hộ kinh doanh phát triển sản xuất. Theo dõi chặt chẽ tiến độ thu ngân sách, đánh giá, phân tích cụ thể từng địa bàn thu, khu vực, sắc thuế để có phương án chỉ đạo, điều hành thu kịp thời, xây dựng kế hoạch thu cụ thể hàng tháng, hàng quý sát với thực, không để bị động, nỗ lực phấn đấu hoàn thành và vượt nhiệm vụ thu NSNN năm 2024.

Thực hiện nghiêm các biện pháp đôn đốc, xử lý thu nợ và cưỡng chế nợ thuế theo quy định của Luật Quản lý thuế. Thực hiện có hiệu quả các biện pháp chống thất thu ngân sách, tập trung vào một số lĩnh vực như: Các khoản thu từ đất; kinh doanh thương mại điện tử; xây dựng cơ bản; kinh doanh xăng dầu; tăng cường công tác kiểm tra đối với các đơn vị có khoản thu từ phí chuyển sang giá dịch vụ mà Nhà nước không định giá; khu vực doanh nghiệp ngoài quốc doanh và hộ cá nhân kinh doanh.

Rà soát các nguồn thu còn dư địa, còn tiềm năng để khai thác tăng thu, bù đắp một phần số giảm thu NSNN do yếu tố khách quan gây ra như thu từ đất đai, tài nguyên, khoáng sản; tăng cường kiểm soát các dự án hết thời gian ưu đãi thuế, các dự án mới phát sinh.

Tiếp tục cơ cấu lại chi NSNN theo hướng tăng tỷ trọng chi đầu tư phát triển, giảm tỷ trọng chi thường xuyên, gắn với đẩy mạnh thực hiện tự chủ tài chính các đơn vị sự nghiệp công lập. Tiếp tục quản lý chặt chẽ và nâng cao hiệu quả các khoản chi từ NSNN; bám sát các văn bản chỉ đạo, điều hành chi của Chính phủ, Bộ Tài chính, Tỉnh ủy, HĐND tỉnh.

Tổ chức điều hành, quản lý chi NSNN chặt chẽ, bám sát dự toán được duyệt và đúng chế độ, tiêu chuẩn, định mức, tránh thất thoát, lãng phí; chủ động sắp xếp nhiệm vụ chi thường xuyên, ưu tiên các nhiệm vụ quan trọng, bảo đảm nguồn lực thực hiện các khoản chi cho con người, chính sách an sinh xã hội, những nhiệm vụ quan trọng. Thực hiện triệt để tiết kiệm chi thường xuyên, cắt giảm các khoản chi chưa thực sự cấp thiết, các nhiệm vụ chi chậm triển khai thực hiện.

Triển khai đánh giá toàn diện hạ tầng, cơ sở vật chất các ngành, lĩnh vực và địa phương, xác định định hướng đầu tư cho kế hoạch đầu tư công trung hạn và chương trình MTQG giai đoạn 2026-2030. Tập trung đẩy nhanh tiến độ giải ngân kế hoạch vốn đầu tư công, 3 chương trình mục tiêu quốc gia (*bao gồm cả kế hoạch năm trước chuyển sang*); tháo gỡ vướng mắc, rào cản trong quản lý đầu tư xây dựng tạo điều kiện thuận lợi tối đa cho các chủ dự án; ưu tiên đẩy nhanh tiến độ, hoàn thành các dự án trọng điểm, các công trình cấp thiết; hạn chế tối đa việc chuyển nguồn, phát sinh nợ đọng xây dựng cơ bản mới; tăng cường kiểm tra, giám sát khắc phục, xử lý tình trạng nợ đọng xây dựng cơ bản, nhất là ở cấp huyện, cấp xã thuộc diện sắp xếp đơn vị hành chính.

Thường xuyên kiểm tra, đánh giá tiến độ thực hiện các dự án, công trình; đối với những dự án, công trình thực hiện không đúng tiến độ phải kịp thời báo cáo cấp có thẩm quyền điều chỉnh để chuyển vốn cho những dự án có tiến độ triển khai nhanh, có khả năng hoàn thành bàn giao trong năm nhằm phát huy hiệu quả nguồn vốn đầu tư.

Quản lý chặt chẽ, sử dụng hiệu quả nguồn vốn đầu tư, nhất là nguồn vốn từ thu tiền sử dụng đất, bảo đảm trọng tâm, trọng điểm, tránh dàn trải; xây dựng kế hoạch, kịp thời điều chỉnh kế hoạch đầu tư bảo đảm cân đối nguồn lực, không để phát sinh nợ đọng xây dựng cơ bản

**5. Huy động, sử dụng có hiệu quả nguồn lực, xây dựng kết cấu hạ tầng, đô thị đồng bộ, hiện đại.**

Huy động và sử dụng hiệu quả mọi nguồn lực, tăng cường thu hút đầu tư xã hội. Chú trọng đầu tư đồng bộ hạ tầng giao thông, công nghiệp, đô thị. Tổ chức triển khai Nghị quyết số 233-NQ/TU ngày 25/7/2022 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh về chủ trương sắp xếp lại đơn vị hành chính cấp huyện và phát triển đô thị trên địa bàn tỉnh Bắc Giang giai đoạn 2022-2025; Kế hoạch số 340/KH-UBND ngày 16/7/2021 của UBND tỉnh về tập trung xây dựng kết cấu hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội giai đoạn 2021 - 2025. Đôn đốc đẩy nhanh tiến độ giải phóng mặt bằng diện tích còn lại của các KCN: Việt Hàn, Quang Châu, Hòa Phú, Song Khê - Nội Hoàng (phía Nam) và các KCN: Yên Lư, Tân Hưng. Chỉ đạo hoàn thiện đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật các KCN theo kế hoạch. Mở rộng quỹ đất sạch công nghiệp, đáp ứng nhu cầu thu hút đầu tư. Bám sát các cơ quan Trung ương đẩy nhanh tiến độ phê duyệt chủ trương đầu tư đối với 13 KCN đang được Bộ Kế hoạch và Đầu tư thẩm định<sup>67</sup>.

Đẩy nhanh tiến độ các dự án trọng điểm, đảm bảo kết nối nội bộ, kết nối vùng thuận lợi. Tập trung chỉ đạo hoàn thành các dự án trọng điểm như: Dự án Xây dựng đường và cầu Hà Bắc 2; Dự án Đường nối QL.37 QL.17- Võ Nhai (Thái Nguyên), tỉnh Bắc Giang); Dự án Xây dựng cầu Đồng Việt và đường dẫn lên cầu; Dự án Xây dựng cầu và đường dẫn nối cảng Mỹ An – QL.31 – QL.1 và tuyến nhánh hồ Suối Nứa – Khuôn Thần; Nút giao liên thông tại thị trấn Vôi với cao tốc Bắc Giang - Lạng Sơn, tỉnh Bắc Giang; Nâng cấp mở rộng đường nối từ ĐT 293 đến QL 17, tỉnh Bắc Giang.

Tập trung hoàn thành lập quy hoạch, điều chỉnh quy hoạch chung 05 đô thị theo Công văn số 661/TTg-CN ngày 23/7/2022 của Thủ tướng Chính phủ. Tiếp tục huy động các nguồn lực cho công tác xây dựng các đồ án quy hoạch chi tiết xây dựng 1/500 tại các khu vực đô thị và khu vực có khả năng thu hút đầu tư cao. Nâng cao chất lượng công tác quản lý hoạt động xây dựng; quản lý chi phí; thẩm định dự án đầu tư, cấp phép xây dựng và quản lý trật tự xây dựng sau cấp phép... theo quy định; thực hiện chỉnh trang đô thị.

Quan tâm chỉ đạo công tác quản lý thị trường bất động sản phát triển lành mạnh, minh bạch và đúng hướng. Triển khai có hiệu quả Chương trình phát triển nhà ở, Kế hoạch phát triển nhà ở và Đề án phát triển nhà ở xã hội dành cho công nhân đã được phê duyệt.

## **6. Quản lý hiệu quả tài nguyên, khoáng sản và bảo vệ môi trường**

Quản lý, bảo vệ, khai thác, sử dụng tiết kiệm, hợp lý, có hiệu quả và bền vững tài nguyên, nhất là tài nguyên đất đai. Thực hiện tốt công tác bảo vệ môi trường; tập trung chỉ đạo, tạo chuyển biến mạnh mẽ việc thu gom, xử lý rác thải theo Kết luận số 99-KL/TU ngày 18/5/2021 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy. Tiếp tục tăng cường kiểm tra, thanh tra để xử lý các vi phạm về đất đai theo Kết luận số 120-KL/TU ngày 08/8/2021 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy, quyết tâm hoàn thành các mục tiêu đề ra. Triển khai thực hiện có hiệu quả Đề án quản lý, sử dụng đất công trên địa bàn tỉnh.

<sup>67</sup> Gồm các KCN: Nghĩa Hưng, Hòa Yên, Phúc Sơn, Đồng Phúc, Yên Lư (mở rộng), Châu Minh - Bắc Lý - Hương Lâm, Quang Châu 2, Đức Giang, Xuân Cẩm-Hương Lâm, Hòa Phú (mở rộng giai đoạn 2), Việt Hàn (mở rộng), sáp nhập CCN Tăng Tiến vào KCN Vân Trung, sáp nhập CCN Tân Hưng vào KCN Tân Hưng.

Thực hiện tốt công tác bảo vệ môi trường; tập trung chỉ đạo, tạo chuyển biến mạnh mẽ việc thu gom, xử lý rác thải theo Chỉ thị số 17-CT/TU ngày 27/02/2020, Kết luận số 99-KL/TU ngày 18/5/2021 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy. Tổ chức rà soát, kiểm tra, đánh giá các khu vực có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường, sự cố môi trường để có giải pháp phòng ngừa, xử lý kịp thời. Tổ chức đấu giá quyền khai thác khoáng sản đối với các khu vực hoạt động khoáng sản theo kế hoạch.

Triển khai hiệu quả Nghị quyết chuyên đề của Ban cán sự Đảng UBND tỉnh về tăng cường lãnh đạo công tác quản lý đất đai, thu hồi đất, bồi thường, GPMB. Quyết liệt hơn nữa trong công tác bồi thường giải phóng mặt bằng. Khắc phục tình trạng thiếu đất san lấp mặt bằng, tạo điều kiện thuận lợi cho triển khai các dự án đầu tư. Tập trung tháo gỡ khó khăn về thủ tục hành chính, trên cơ sở đó đẩy nhanh tiến độ thu hồi đất, giao đất, cho thuê đất cho các tổ chức, DN đầu tư theo đúng quy định.

Tham mưu, xây dựng Chỉ thị của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về đẩy nhanh tiến độ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất sau đôn điền, đổi thửa và theo bản đồ địa chính gắn với xây dựng cơ sở dữ liệu đất đai trên địa bàn tỉnh Bắc Giang. Tập trung nghiên cứu, xem xét tháo gỡ khó khăn, vướng mắc việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho các di tích lịch sử, văn hóa, thiết chế văn hóa.

## **7. Nâng cao chất lượng dịch vụ y tế, chăm sóc sức khỏe cho Nhân dân; nâng cao chất lượng dân số**

Tiếp tục quan tâm đầu tư xây dựng, nâng cấp các cơ sở y tế theo hướng chuyên sâu, hiện đại; triển khai phát triển một số kỹ thuật mới, chuyên sâu tại các cơ sở y tế tuyến tỉnh. Chuẩn bị các điều kiện xây dựng Đề án thành lập bệnh viện Lão khoa và Trung tâm Cấp cứu 115. Tập trung đầu tư xây dựng cơ sở vật chất các cơ sở y tế tuyến tỉnh, tuyến huyện như: Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh, Trung tâm Y tế các huyện Yên Thế, Lục Nam, Sơn Động; xây dựng mới, sửa chữa, nâng cấp các trạm y tế thuộc Chương trình đầu tư phát triển mạng lưới y tế cơ sở vùng khó khăn sử dụng vốn vay của Ngân hàng Phát triển Châu Á – ADB; cải tạo, nâng cấp cơ sở vật chất và mua sắm trang thiết bị cho trạm y tế vùng đặc biệt khó khăn.

Triển khai có hiệu quả Chỉ thị số 25-CT/TW ngày 25/10/2023 của Ban Bí thư về tiếp tục củng cố, hoàn thiện, nâng cao chất lượng hoạt động của y tế cơ sở trong tình hình mới. Tập trung triển khai các nhiệm vụ giải pháp xây dựng xã/phường/thị trấn đạt Tiêu chí quốc gia về y tế giai đoạn đến năm 2030 theo Kế hoạch số 115/KH-UBND ngày 27/6/2023 của UBND tỉnh.

Tiếp tục thực hiện Kế hoạch số 417/KH-UBND ngày 01/9/2021 của UBND tỉnh thực hiện Chỉ thị số 05-CT/TU ngày 05/5/2021 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về nâng cao năng lực công tác y tế dự phòng, đáp ứng yêu cầu trong tình hình mới. Chủ động phòng, chống dịch bệnh; phát hiện sớm, kịp thời khống chế không để các dịch bệnh truyền nhiễm nguy hiểm lây lan rộng trong cộng đồng, đặc biệt là các dịch bệnh nguy hiểm, dịch bệnh mới.

Kiên quyết chỉ đạo bảo đảm các điều kiện về cơ sở vật chất, nhân lực, trang thiết bị, không để thiếu thuốc, hoá chất, sinh phẩm, vật tư tiêu hao, phương tiện phòng hộ phục vụ công tác phòng, chống dịch và khám, chữa bệnh cho Nhân dân. Đẩy mạnh cải cách hành chính, ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý khám, chữa bệnh (*bệnh án điện tử; bệnh viện thông minh; khám, chữa bệnh từ xa; chụp chiếu không cần in phim*). Tăng cường kiểm soát và hạn chế tối đa tình trạng vượt dự toán chi khám bệnh, chữa bệnh bảo hiểm y tế. Nâng cao chất lượng phục vụ trong các cơ sở y tế. Tăng cường thực hiện các biện pháp bảo đảm vệ sinh, an toàn thực phẩm. Thực hiện đồng bộ các giải pháp nâng cao chất lượng dân số, chăm sóc trẻ em, nhất là trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn. Xây dựng gia đình no ấm, bình đẳng, tiến bộ, hạnh phúc.

Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra việc chấp hành các quy định của pháp luật về hành nghề y, dược tại các cơ sở y, y học cổ truyền, dược, thẩm mỹ trên địa bàn tỉnh; xử lý nghiêm các cơ sở vi phạm pháp luật về hành nghề y, dược.

Tiếp tục thực hiện có hiệu quả Đề án tổng thể phát triển thể lực, tầm vóc người Việt Nam giai đoạn 2011 – 2030, góp phần nâng cao chất lượng dân số, chất lượng nguồn nhân lực; triển khai kế hoạch thực hiện chương trình mở rộng tầm soát, chẩn đoán, điều trị một số bệnh, tật trước sinh và sơ sinh tỉnh Bắc Giang đến năm 2030. Tiếp tục ưu tiên thực hiện các mục tiêu: Giảm tỷ lệ sinh, giảm tỷ lệ sinh con thứ 3 trở lên, giảm tốc độ gia tăng tỷ số giới tính khi sinh và nâng cao chất lượng dân số. Mở rộng cung cấp các dịch vụ sàng lọc, chẩn đoán và điều trị sớm một số bệnh, tật trước khi sinh và sơ sinh, dịch vụ tư vấn và khám sức khỏe tiền hôn nhân. Thúc đẩy các can thiệp nhằm cải thiện tốt sức khỏe bà mẹ và trẻ em, giảm tử vong bà mẹ và trẻ sơ sinh. Tăng cường phối hợp liên ngành trong thực hiện các can thiệp về dinh dưỡng nhằm giảm tỷ lệ trẻ em bị suy dinh dưỡng thể nhẹ cân và thể thấp còi.

### **8. Tiếp tục thực hiện đổi mới, nâng cao chất lượng giáo dục và đào tạo, chất lượng nguồn nhân lực; đẩy mạnh ứng dụng và phát triển khoa học công nghệ**

Thực hiện có hiệu quả đổi mới nội dung, chương trình, phương pháp dạy học theo hướng coi trọng phát triển năng lực và phẩm chất người học, tăng quyền tự chủ và trách nhiệm đối với các cơ sở giáo dục; tăng cường hiệu lực, hiệu quả trong quản lý giáo dục. Khuyến khích, tạo điều kiện thành lập các trường ngoài công lập, nhóm trẻ độc lập tự thực để đáp ứng nhu cầu học sinh giáo dục đào tạo ở khu công nghiệp, cụm công nghiệp, khu tập trung dân cư. Tiếp tục sắp xếp hợp lý hệ thống các trường, điểm trường theo hướng sử dụng hiệu quả nguồn lực đầu tư, giữ vững kết quả phổ cập giáo dục, gắn kết giữa quy mô, chất lượng giáo dục với nhu cầu nhân lực của từng địa phương

Đầu tư về cơ sở vật chất các trường học đảm bảo đủ phòng học, phòng bộ môn, sân chơi bãi tập theo quy định. Duy trì và nâng cao chất lượng mô hình hệ thống trường THCS trọng điểm chất lượng cao để trở thành các mô hình đi đầu trong đổi mới giáo dục. Mở rộng giao lưu, hợp tác để nâng cao chất lượng giáo dục, tiến tới các nhân tố tiên tiến của khu vực và quốc tế. Từng bước xây dựng

đội ngũ CBQL, GV và nhân viên đủ số lượng, cơ cấu, đạt chuẩn về trình độ, năng lực, phẩm chất, đạo đức nhà giáo.

Thực hiện có hiệu quả Kế hoạch số 20-KH/TU ngày 09/6/2021 của Tỉnh ủy về đào tạo, nâng cao chất lượng nguồn lao động. Thực hiện hiệu quả chính sách hỗ trợ giáo dục nghề nghiệp giai đoạn 2021-2025; tập trung đào tạo, nâng cao chất lượng nguồn lao động tham gia sản xuất công nghiệp, nông nghiệp công nghệ cao, du lịch, dịch vụ; đảm bảo về số lượng và chất lượng, lao động có kỹ năng nghề, tay nghề cao, bằng cấp, chứng chỉ. Thúc đẩy hoạt động đào tạo nghề theo định hướng hợp tác, liên kết với DN cùng đào tạo là chủ đạo. Tích cực khuyến khích, kêu gọi các DN tham gia đầu tư vào xây dựng các trường, trung tâm đào tạo nghề cho các KCN, CCN. Ưu tiên nguồn lực đầu tư xây dựng phòng học văn hoá, phòng học nghề đối với các trung tâm GDNN - GDTX đáp ứng nhu cầu tuyển 15% học sinh tốt nghiệp THCS phân luồng, học nghề.

Thúc đẩy phát triển phong trào đổi mới sáng tạo và khởi nghiệp sáng tạo, lấy DN làm trung tâm, chủ thể. Thực hiện hiệu quả Kế hoạch nâng cao năng suất và chất lượng giai đoạn 2021-2025; nâng cao chất lượng công tác thẩm định công nghệ các dự án thu hút đầu tư. Tiếp tục triển khai Kế hoạch hỗ trợ hệ sinh thái khởi nghiệp đổi mới sáng tạo tỉnh Bắc Giang giai đoạn 2021-2025, Đề án Phát triển thị trường KH&CN tỉnh Bắc Giang đến năm 2030, kế hoạch phát triển doanh nghiệp KH&CN giai đoạn 2021-2025.

### **9. Phát triển văn hóa xã hội; nâng cao đời sống Nhân dân**

Thực hiện tốt chủ trương gắn kết chặt chẽ, đồng bộ giữa phát triển kinh tế với phát triển văn hóa; phát triển văn hóa, con người Bắc Giang đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững đất nước theo tinh thần Nghị quyết Trung ương 9 khóa XI và Kết luận số 76-KL/TW ngày 04/6/2020 của Bộ Chính trị. Triển khai thực hiện hiệu quả Nghị quyết số 41/2023/NQ-HĐND ngày 14/7/2023 của HĐND tỉnh Quy định chính sách hỗ trợ phát triển du lịch cộng đồng tỉnh Bắc Giang giai đoạn 2023-2030. Tiếp tục nâng cao chất lượng phong trào “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hoá”.

Tiếp tục quan tâm thực hiện bảo tồn, tôn tạo và phát huy giá trị di sản, văn hoá dân tộc, các giá trị văn hóa vật thể và phi vật thể. Đẩy mạnh công tác kiểm kê, nghiên cứu, phục dựng và quảng bá di sản, gắn các nội dung phát triển văn hóa với phát triển du lịch. Tập trung xây dựng môi trường văn hoá lành mạnh, đời sống văn hoá cơ sở, văn hoá công vụ, đặc biệt là đạo đức công vụ.

Phát triển thể thao toàn diện, cả thể thao quần chúng và thể thao thành tích cao; lựa chọn một số môn thể thao mũi nhọn của tỉnh để phát triển thể thao thành tích cao. Phát triển thể thao quần chúng, tăng tỷ lệ người tập luyện thể dục, thể thao thường xuyên, tỷ lệ gia đình thể thao. Duy trì quy mô và nâng cao chất lượng công tác đào tạo, bồi dưỡng vận động viên các đội tuyển, học sinh năng khiếu thể thao cơ sở, duy trì việc thực hiện chương trình thể dục, thể thao nội khóa tại các cơ sở giáo dục, đào tạo theo quy định. Từng bước xây dựng và phát triển nền thể thao tỉnh theo hướng hiện đại.

Tổ chức thực hiện tốt các chính sách xã hội, chính sách đối với người có

công, các đối tượng bảo trợ xã hội, người yếu thế trong xã hội, người nghèo, thực hiện mục tiêu giảm nghèo đa chiều, bao trùm, phát huy nội lực vươn lên thoát nghèo của người dân và cộng đồng. Tập trung huy động nguồn lực hỗ trợ kinh phí làm mới, sửa chữa nhà ở cho người có công và hộ nghèo. Thực hiện tốt các chính sách dân tộc, tôn giáo, tín ngưỡng.

Tiếp tục thực hiện có hiệu quả các chương trình, kế hoạch phát triển khu vực vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi với phương châm “Nhà nước và Nhân dân cùng làm”<sup>68</sup>. Thực hiện lồng ghép nguồn vốn của các chương trình, dự án trên địa bàn để nâng cao hiệu quả đầu tư các nguồn vốn; khuyến khích và tạo điều kiện cho các thành phần kinh tế tham gia vào đầu tư cơ sở hạ tầng, phát triển kinh tế - xã hội và thực hiện an sinh xã hội trên vùng dân tộc thiểu số và miền núi.

Quan tâm chăm lo, bảo đảm đời sống cho người lao động. Tổ chức thông tin, điều tiết kết nối cung - cầu lao động, đảm bảo ổn định và phát triển thị trường lao động. Đẩy nhanh tiến độ các dự án nhà ở xã hội nhằm nhanh chóng đáp ứng nhu cầu của người lao động. Đẩy mạnh công tác tuyên truyền để người lao động hiểu rõ sự cần thiết, vai trò, ý nghĩa của chính sách bảo hiểm xã hội, lợi ích lâu dài của việc tham gia bảo hiểm xã hội, bảo đảm an sinh xã hội bền vững. Tiếp tục tăng cường thực hiện các giải pháp phát triển đối tượng tham gia BHXH, BHYT nhất là BHXH tự nguyện; duy trì tỷ lệ trên 99% người dân tham gia BHYT.

#### **10. Nâng cao hiệu quả, hiệu lực quản lý Nhà nước; đẩy mạnh cải cách hành chính, tăng cường chuyển đổi số**

Tăng cường kỷ luật, kỷ cương hành chính; thực hiện nghiêm Chỉ thị số 26/CT-TTg ngày 05/9/2016 của Thủ tướng Chính phủ về tăng cường kỷ luật, kỷ cương trong các cơ quan hành chính nhà nước các cấp; Chỉ thị số 26-CT/TU ngày 02/6/2023 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về chấn chỉnh tác phong, lề lối làm việc và nâng cao trách nhiệm trong thực thi nhiệm vụ đáp ứng yêu cầu trong tình hình mới; Công văn số 1937-CV/TU ngày 29/7/2019 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về thực hiện nghiêm quy định thời gian làm việc và quy định không uống rượu, bia; Chỉ thị 01/CT-UBND ngày 08/01/2020 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc tăng cường kỷ luật, kỷ cương hành chính khi thi hành công vụ.

Tiếp tục đẩy mạnh cải cách hành chính, tăng cường chuyển đổi số, cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh, trong đó tập trung tháo gỡ khó khăn, đẩy mạnh phát triển sản xuất. Duy trì thứ hạng chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (PCI) của tỉnh nằm trong nhóm 10 tỉnh, thành phố dẫn đầu cả nước. Tăng cường thanh tra, kiểm tra việc thực thi công vụ; chấn chỉnh kỷ luật, kỷ cương hành chính; kiên quyết xử lý, thay thế cán bộ, công chức không đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ, có biểu hiện gây phiền hà, sách nhiễu, lợi dụng công vụ để nhận hối lộ, tham nhũng, tiêu cực, lãng phí. Tập trung các giải pháp nâng cao Chỉ số hài lòng của người dân, tổ chức đối với sự phục vụ của cơ quan hành chính nhà nước (SIPAS) năm 2023.

<sup>68</sup> Như: Chương trình phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số giai đoạn 2021-2030, giai đoạn I từ 2021-2025; kế hoạch thực hiện đầu tư xây dựng công trình ngầm, cầu dân sinh trên địa bàn vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2022-2024...

Tiếp tục triển khai thực hiện quyết liệt, hiệu quả Chỉ thị số 27-CT/TU ngày 25/8/2023 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về sắp xếp đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã trên địa bàn tỉnh Bắc Giang giai đoạn 2023-2030; Kế hoạch số 479/KH-UBND của UBND tỉnh, hoàn thành quy trình, thủ tục, hồ sơ, đề án nhập địa giới hành chính huyện Yên Dũng với thành phố Bắc Giang, thành lập các phường thuộc thành phố Bắc Giang; Đề án sắp xếp, điều chỉnh địa giới hành chính huyện Lục Ngạn và huyện Sơn Động để thành lập thị xã Chũ, huyện Lục Ngạn (mới) và huyện Sơn Động; triển khai thực hiện Kế hoạch số 45/KH-UBND ngày 31/8/2023 của UBND tỉnh về thực hiện sắp xếp đơn vị hành chính cấp xã giai đoạn 2023-2025; Phương án số 327/PA-UBND ngày 20/10/2023 sắp xếp đơn vị hành chính cấp xã; thực hiện có hiệu quả, thực chất việc xây dựng “chính quyền thân thiện”.

Tập trung triển khai các nhiệm vụ xây dựng thành phố thông minh, chính quyền điện tử, chính quyền số; triển khai hiệu quả Kế hoạch chuyển đổi số giai đoạn 2021 - 2025, định hướng đến năm 2030. Đẩy nhanh tiến độ thực hiện các đề án, dự án đầu tư về công nghệ thông tin, chuyển đổi số đã được phê duyệt; thực hiện thuê dịch vụ Trung tâm điều hành an toàn, an ninh mạng (SOC) của tỉnh, duy trì thứ hạng nhóm 10 tỉnh/thành về chuyển đổi số.

Đổi mới, nâng cao hiệu lực, hiệu quả công tác tuyên truyền, kiểm tra, giám sát thi hành pháp luật. Nâng cao chất lượng công tác tham gia ý kiến, thẩm định dự thảo văn bản QPPL do HĐND, UBND ban hành. Thường xuyên tổ chức kiểm tra, rà soát văn bản QPPL do HĐND, UBND tỉnh ban hành; văn bản QPPL và văn bản có chứa QPPL do HĐND, UBND cấp huyện ban hành. Phấn đấu hoàn thành các chỉ tiêu, nhiệm vụ thi hành án dân sự, theo dõi thi hành án hành chính.

### **11. Thực hiện tốt công tác đảm bảo quốc phòng, an ninh, trật tự an toàn xã hội**

Tiếp tục thực hiện tốt các nhiệm vụ quốc phòng, quân sự địa phương, giữ vững an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội trên địa bàn; chủ động xử lý, ứng phó với các yếu tố tác động đến an ninh, trật tự, không để bị động, bất ngờ. Kết hợp hài hòa giữa phát triển kinh tế - xã hội với bảo đảm quốc phòng, an ninh. Xây dựng lực lượng vũ trang tỉnh vững mạnh toàn diện; củng cố thế trận quốc phòng toàn dân gắn với thế trận an ninh nhân dân vững chắc; làm tốt công tác chuẩn bị và tổ chức thành công cuộc diễn tập khu vực phòng thủ huyện Tân Yên năm 2024.

Xây dựng lực lượng công an nhân dân thật sự trong sạch, vững mạnh, cách mạng, chính quy, tinh nhuệ, hiện đại, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ trong tình hình mới; nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động của lực lượng công an các cấp, nhất công an cấp xã. Quản lý tốt tình hình an ninh, trật tự trên địa bàn; tập trung đấu tranh, ngăn chặn các loại tội phạm; nâng cao chất lượng phong trào "toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc"; nắm chắc tình hình, chủ động xử lý, ứng phó với các yếu tố tác động đến an ninh, trật tự, nhất là trên địa bàn nông thôn và các khu, cụm công nghiệp; bảo đảm an toàn giao thông, kiểm chế giảm tai nạn giao thông; chú trọng thực hiện tốt công tác phòng cháy, chữa cháy.

Xây dựng kế hoạch thanh tra có trọng tâm, trọng điểm; theo dõi, đôn đốc,



kiểm tra việc thực hiện kết luận, quyết định xử lý sau thanh tra, xong trên 80% các kết luận, quyết định. Tiếp tục thực hiện kịp thời, hiệu quả chỉ đạo của Trung ương, của Tỉnh ủy, HĐND tỉnh về công tác phòng chống tham nhũng; thực hiện đầy đủ, đồng bộ các quy định về công khai, minh bạch trong hoạt động của cơ quan, đơn vị, nhất là các lĩnh vực dễ phát sinh tiêu cực, tham nhũng. Tiến hành thanh tra đột xuất đối với các công trình, dự án, các nội dung công việc được dư luận quan tâm hoặc có dấu hiệu vi phạm.

Tiếp tục thực hiện nghiêm các quy định của pháp luật về tiếp công dân, giải quyết KNTC; quán triệt, triển khai kịp thời, nghiêm túc các văn bản chỉ đạo của Trung ương, của Tỉnh ủy về công tác tiếp công dân, giải quyết KNTC; trọng tâm là thực hiện Chỉ thị số 35-CT/TW ngày 26/5/2014 của Bộ Chính trị về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác tiếp công dân và giải quyết khiếu nại, tố cáo, Nghị quyết 623/NQUBTVQH15 ngày 07/10/2022 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về thực hiện chính sách, pháp luật về tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo; Chỉ thị số 03/CT-UBND ngày 30/01/2023 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc nâng cao chất lượng giải quyết ý kiến, kiến nghị của cử tri trên địa bàn tỉnh; Chỉ thị số 25-CT/TU ngày 10/5/2023 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về tăng cường vai trò, trách nhiệm của người đứng đầu cấp ủy, chính quyền trong công tác tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo.

Thực hiện nghiêm việc kiểm điểm, xử lý nghiêm trách nhiệm của cán bộ, công chức có vi phạm trong thực hiện nhiệm vụ, gắn với xử lý kịp thời, nghiêm minh các trường hợp lợi dụng quyền KNTC để gây mất trật tự công cộng hoặc lôi kéo, kích động công dân khiếu kiện trái pháp luật. Thường xuyên theo dõi, đôn đốc, kiểm tra các huyện, thành phố về thực hiện công tác tiếp công dân, xử lý đơn, giải quyết KNTC; tăng cường và nâng cao hiệu quả công tác thanh tra, kiểm tra trách nhiệm người đứng đầu về thực hiện quy định của pháp luật về tiếp công dân, giải quyết KNTC.

## **12. Nâng cao hiệu quả công tác đối ngoại; đẩy mạnh công tác thông tin, truyền thông, tạo đồng thuận xã hội**

Tiếp tục triển khai Đề án Đẩy mạnh hợp tác quốc tế cấp địa phương của tỉnh Bắc Giang với các địa phương nước ngoài giai đoạn 2021-2025. Hỗ trợ, hướng dẫn UBND các huyện, thành phố trao đổi thông tin, xúc tiến thiết lập quan hệ hợp tác cấp huyện với địa phương nước ngoài, trọng tâm là thực hiện các thỏa thuận hợp tác đã ký kết; đồng thời, nghiên cứu, đề xuất ký kết mới các thỏa thuận hợp tác với các địa phương, đối tác nước ngoài.

Đa dạng hóa các hình thức tuyên truyền đối ngoại, quan tâm đến các kênh truyền thông truyền thống và tận dụng tốt các kênh truyền thông hiện đại. Đẩy mạnh quảng bá về văn hóa, hình ảnh, con người Bắc Giang trên các báo, đài, tạp chí của Trung ương và địa phương.

Làm tốt công tác quản lý nhà nước về báo chí, xuất bản, thông tin tuyên truyền. Định kỳ tổ chức Hội nghị thông tin báo chí về tình hình phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh; cung cấp thông tin kịp thời, đầy đủ, chính xác trên cổng thông tin điện tử, cho báo chí các vấn đề mà người dân, doanh nghiệp quan tâm. Thường xuyên theo dõi, rà soát, kịp thời phát hiện, đề nghị các cơ quan báo chí chỉnh sửa,

cải chính những nội dung thông tin thiếu chính xác, thiếu kiểm chứng về tình.

Đẩy mạnh thông tin tuyên truyền, nhất là công tác truyền thông chính sách; chú trọng thông tin về đường lối, chính sách của Đảng và Nhà nước, gương người tốt, việc tốt, điển hình tiên tiến, mô hình hay, cách làm hiệu quả, những kinh nghiệm quý từ thực tiễn để phát huy, nhân rộng; kịp thời phát hiện, xử lý những vấn đề "nóng", bức xúc xã hội; nâng cao hiệu quả công tác dân vận; thực hiện tốt nguyên tắc dân chủ cơ sở; phát huy hơn nữa vai trò của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các tổ chức chính trị - xã hội, đoàn thể Nhân dân, góp phần tạo đồng thuận xã hội, không ngừng củng cố khối đại đoàn kết toàn dân tộc, nỗ lực phấn đấu thực hiện thắng lợi các mục tiêu, nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội đã đề ra./.

**Nơi nhận:**

- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Kế hoạch và Đầu tư;
- Thường trực TU, TT HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Các đồng chí Ủy viên BTV Tỉnh ủy;
- Các đại biểu HĐND tỉnh khóa XIX;
- VP TU và các ban, cơ quan thuộc Tỉnh ủy;
- Ủy ban MTTQ và các tổ chức CT-XH tỉnh;
- VP ĐDBQH và HĐND tỉnh; các ban HĐND tỉnh;
- Các sở, cơ quan thuộc UBND tỉnh;
- Các cơ quan Trung ương đóng trên địa bàn;
- Huyện ủy, thành ủy; UBND huyện, thành phố;
- VP UBND tỉnh: LĐVP, các phòng, đơn vị;
- Lưu: VT, TH.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**  
**KT. CHỦ TỊCH**  
**PHÓ CHỦ TỊCH**

**Mai Sơn**